

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

"Xây dựng vị thế vững mạnh trên hành trình logistics bền vững"



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ HÀNG HẢI**



MỤC LỤC



I GIỚI THIỆU TRA-SAS

1. Thông tin khái quát
2. Giới thiệu TRA-SAS
3. Lịch sử hình thành và phát triển
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
5. Dấu ấn tiêu biểu của TRA-SAS năm 2025
6. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
7. Định hướng phát triển
8. Các rủi ro
9. Thành tựu đạt được

II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
5. Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội

III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025
2. Các tiến bộ Công ty đạt được
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026

IV ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Ban điều hành
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025



GIỚI THIỆU TRA-SAS

1. Thông tin khái quát

2. Giới thiệu TRA-SAS

3. Lịch sử hình thành và phát triển

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

5. Dấu ấn tiêu biểu của TRA-SAS năm 2025

6. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

7. Định hướng phát triển

8. Các rủi ro

9. Thành tựu đạt được





01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Tên tiếng Anh:	TRACIMEXCO SUPPLY CHAINS AND AGENCY SERVICES JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch:	TRA-SAS
Tên viết tắt:	TRA-SAS
Giấy chứng nhận ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304184415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 11 năm 2025.
Vốn điều lệ:	75.240.340.000 đồng
Mã cổ phiếu:	TRS
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng
Tổng số cổ phần:	7.524.034 cổ phần
Địa chỉ	106 – 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(028) 3925 0222
Website:	www.trasas.com.vn

02 GIỚI THIỆU TRA-SAS

Tiền thân là Xí nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải, đến ngày 15/01/2006, công ty chính thức chuyển đổi mô hình sang **Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (TRA-SAS)**, đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong hành trình phát triển. Ngày 18/09/2015, cổ phiếu TRA-SAS (mã chứng khoán: TRS) chính thức giao dịch trên sàn UpCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, TRA-SAS tự hào là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực logistics và vận tải tại Việt Nam.



Với sứ mệnh trở thành “**Đối tác đáng tin cậy và hữu ích**”, TRA-SAS không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, hỗ trợ khách hàng tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

➤ CÁC CỘT MỐC NỔI BẬT:

2011

Lần đầu đạt lợi nhuận trước thuế trên 1 triệu USD; mở rộng Trung tâm phân phối tại Hà Nội.

2015

Niêm yết trên sàn UpCOM/HNX với mã TRS.

2022

Vận hành Kho Hóa Chất và Hàng Nguy Hiểm tại KCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh (Đồng Nai), diện tích hơn 16.000 m², đạt chuẩn lưu trữ hàng DG & Non-DG.

2013

Gia nhập Hiệp hội Giao nhận Việt Nam (VLA); nhận giải thưởng “International Quality Crown Award - Gold Category” (Anh).

2019

Doanh thu đạt trên 30 triệu USD, lợi nhuận trước thuế vượt 1,5 triệu USD, tăng trưởng 27,2%.

2023

Nhận chứng nhận ISO 9001:2015, nâng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng, khởi công văn phòng mới tại TP. Thủ Đức.

TRA-SAS cam kết tiếp tục phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ hiện đại, trong đó ưu tiên công nghệ AI, đóng góp tích cực vào sự phát triển môi trường và có trách nhiệm với cộng đồng.

03 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập Xí nghiệp Vận tải Biển và Dịch vụ Hàng hải (tiền thân của TRA-SAS), trực thuộc Tổng Công ty VIETRANSCIMEX – Bộ Giao thông Vận tải.

Khai trương Trung tâm Phân phối & Dịch vụ Kho bãi thứ hai tại Hà Nội.

- Trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội Giao nhận Việt Nam (VLA).
- Vận hành trung tâm kho bãi thứ ba tại Bình Dương.
- Vốn điều lệ nâng lên 22 tỷ đồng.

Vận hành Trung tâm Phân phối & Kho bãi tại DT743, Dĩ An (Bình Dương), diện tích 5.400 m², sức chứa hơn 10.000 khay hàng.

- Khởi công xây dựng văn phòng Trụ sở mới tại TP. Thủ Đức với diện tích lớn hơn, hiện đại và nhiều tiện ích hơn.
- Vốn điều lệ tăng lên 54 tỷ đồng.

2025

- Vốn điều lệ của Công ty tiếp tục tăng lên 75,2 tỷ đồng trong năm 2025.
- Năm 2025, công ty chuyển sang văn phòng mới tại Tòa nhà TRA-SAS, 106–112 Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh.

1996

2011

2013

2019

2023

2006

2012

2015

2021

2024

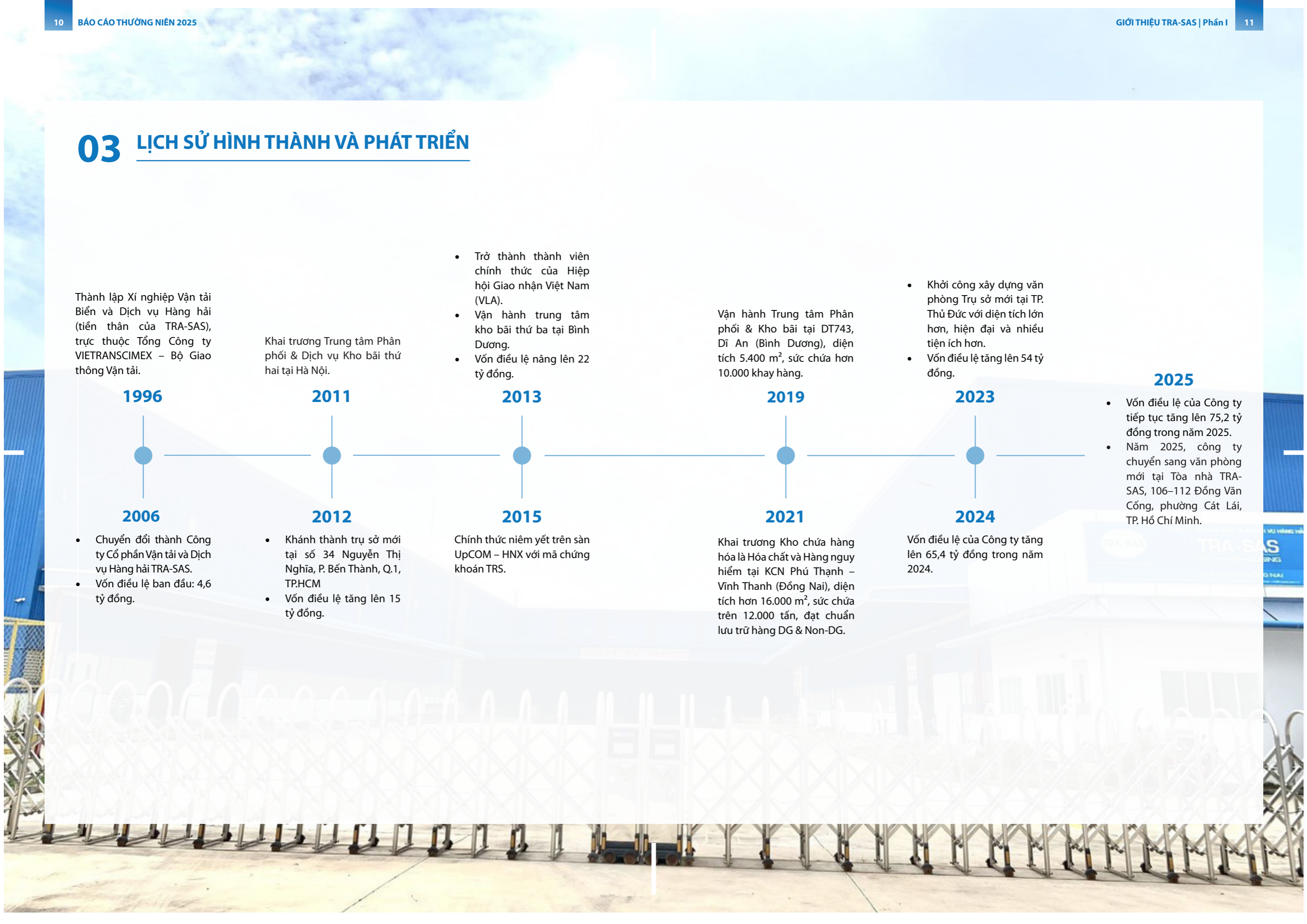
- Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải TRA-SAS.
- Vốn điều lệ ban đầu: 4,6 tỷ đồng.

- Khánh thành trụ sở mới tại số 34 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
- Vốn điều lệ tăng lên 15 tỷ đồng.

Chính thức niêm yết trên sàn UpCOM – HNX với mã chứng khoán TRS.

Khai trương Kho chứa hàng hóa là Hóa chất và Hàng nguy hiểm tại KCN Phú Thạnh – Vĩnh Thanh (Đồng Nai), diện tích hơn 16.000 m², sức chứa trên 12.000 tấn, đạt chuẩn lưu trữ hàng DG & Non-DG.

Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 65,4 tỷ đồng trong năm 2024.



04 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết: Khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ).</i>
2	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất tinh dầu, hương liệu, các sản phẩm từ tinh dầu, hương liệu, dầu massage, hóa chất (không hoạt động tại trụ sở).</i>
3	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng</i>
4	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất chất diệt khuẩn, diệt côn trùng dùng trong gia đình (không sản xuất và tồn trữ hóa chất tại trụ sở và trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).</i>
5	4211	Xây dựng công trình đường sắt
6	4212	Xây dựng công trình đường bộ
7	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng</i>
8	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: bảo dưỡng: xe có động cơ và ô tô, xe máy, phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị.</i>
9	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Mua bán phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị.</i>
10	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Môi giới thương mại.</i>
11	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở).</i>
12	4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán hàng thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).</i>
13	4633	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Mua bán đồ uống, nước giải khát, rượu bia (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)</i>
14	4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
15	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
16	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán chất diệt khuẩn, diệt côn trùng dùng trong gia đình (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)(không tồn trữ hóa chất). Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, chất xử lý mùi không khí, chất tẩy rửa, kim khí điện máy, dụng cụ thể thao (trừ súng đạn thể thao và vũ khí thô sơ), đồ chơi trẻ em (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)</i>
17	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Mua bán hàng tin học, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở)</i>
18	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>Chi tiết: Mua bán điện tử, viễn thông, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở)</i>
19	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Mua bán vật liệu điện</i>
20	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. Mua bán gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng, giấy, sản phẩm từ giấy</i>

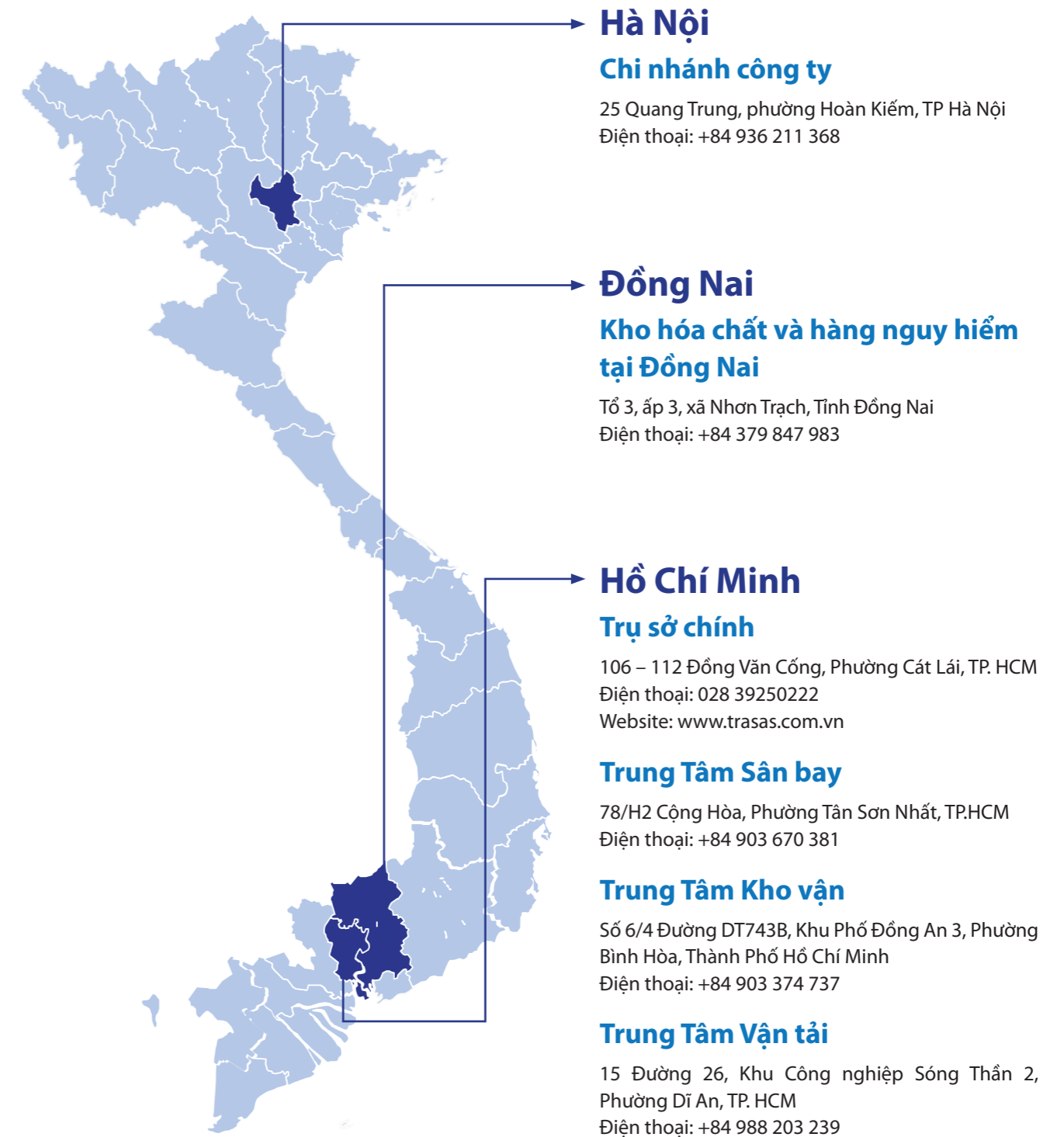
STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
21	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động). Bán buôn hạt nhựa. Bán buôn thiết bị niêm phong dùng cho container. Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, giống cây trồng, phân bón (không tồn trữ hóa chất).</i>
22	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>(Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
23	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp <i>Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm trong siêu thị, trung tâm thương mại</i>
24	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
25	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>
26	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh.</i>
27	4741	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh
28	4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
29	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
30	4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
31	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
32	4761	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(có nội dung được phép lưu hành)</i>
33	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
34	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khoẻ của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)</i>
35	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, hàng lông thú, găng tay, bút tất, cà vạt, dây đeo quần trong các cửa hàng chuyên doanh.</i>
36	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
37	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học, kính đeo mắt, đồng hồ và đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh.</i>
38	4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ <i>(Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
39	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ <i>Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); Bán lẻ trò chơi và đồ chơi (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội); Đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành)</i>
40	4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành
41	4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
42	4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
43	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.</i>
44	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.</i>
45	5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển.</i>
46	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
47	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa
48	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ <i>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)</i>
49	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
50	5224	Bốc xếp hàng hóa <i>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).</i>
51	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Đại lý vận tải đường biển. Đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa.</i>
52	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động khách sạn tại trụ sở).</i>
53	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động nhà hàng tại trụ sở).</i>
54	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).</i>
55	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cho thuê kho bãi, cho thuê nhà xưởng.</i>
56	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất.</i>
57	7729	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác <i>Chi tiết: Cho thuê đồ dệt, trang phục và giày dép; Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp; Đồ trang sức, bàn ghế, phòng bạt, quần áo; Sách, tạp chí; Hoa và cây; Thiết bị điện và đồ gia dụng cho gia đình.</i>
58	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê Máy móc và thiết bị sử dụng sửa chữa nhà; thiết bị âm nhạc; máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng, máy móc và thiết bị văn phòng (tất cả thiết bị và máy móc cho thuê không kèm người điều khiển).</i>
59	7912	Điều hành tua du lịch <i>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.</i>
60	8292	Dịch vụ đóng gói <i>Chi tiết: Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm; đóng gói đồ rắn; dán tem, nhãn và đóng dấu; bọc quà (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).</i>
61	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
62	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu <i>Chi tiết: khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở)</i>

➤ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2025, TRA-SAS hiện có các Văn phòng, Chi nhánh sau:



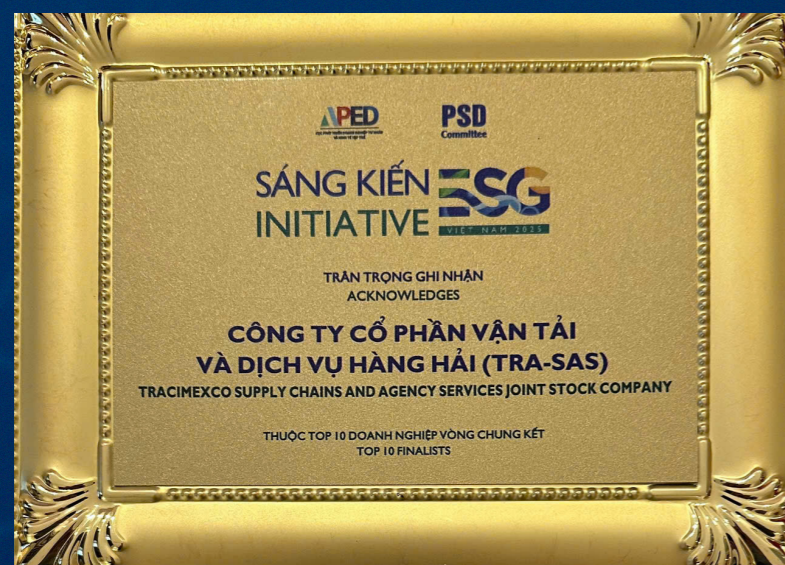
05 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA TRA-SAS NĂM 2025



TOP 10 DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU TRONG SÁNG KIẾN ESG VIỆT NAM 2025



Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố và trao chứng nhận Top 10 doanh nghiệp vòng chung kết “Sáng kiến ESG Việt Nam 2025” cho lãnh đạo TRA-SAS



Vào ngày 07/01/2026, TRA-SAS vinh dự được xưng tên trong **Top 10 doanh nghiệp vòng chung kết “Sáng kiến ESG Việt Nam 2025”** do Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vinh danh. Đây là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các tiêu chuẩn Môi trường, Xã hội và Quản trị vào chiến lược vận hành bền vững.

Tại chương trình, TRA-SAS đã gây ấn tượng mạnh mẽ với sáng kiến **“Kiểm soát khí thải trên nền tảng dữ liệu số”** và mô hình **“Kho DG An toàn và Xanh”**, một bước đi tiên phong trong cộng đồng logistics Việt Nam. Việc minh bạch hóa báo cáo phát thải cùng hệ thống quản trị gắn liền với mục tiêu giảm carbon không chỉ thể hiện cam kết bảo vệ môi trường mà còn giúp tối ưu hóa nguồn lực vận hành của doanh nghiệp.

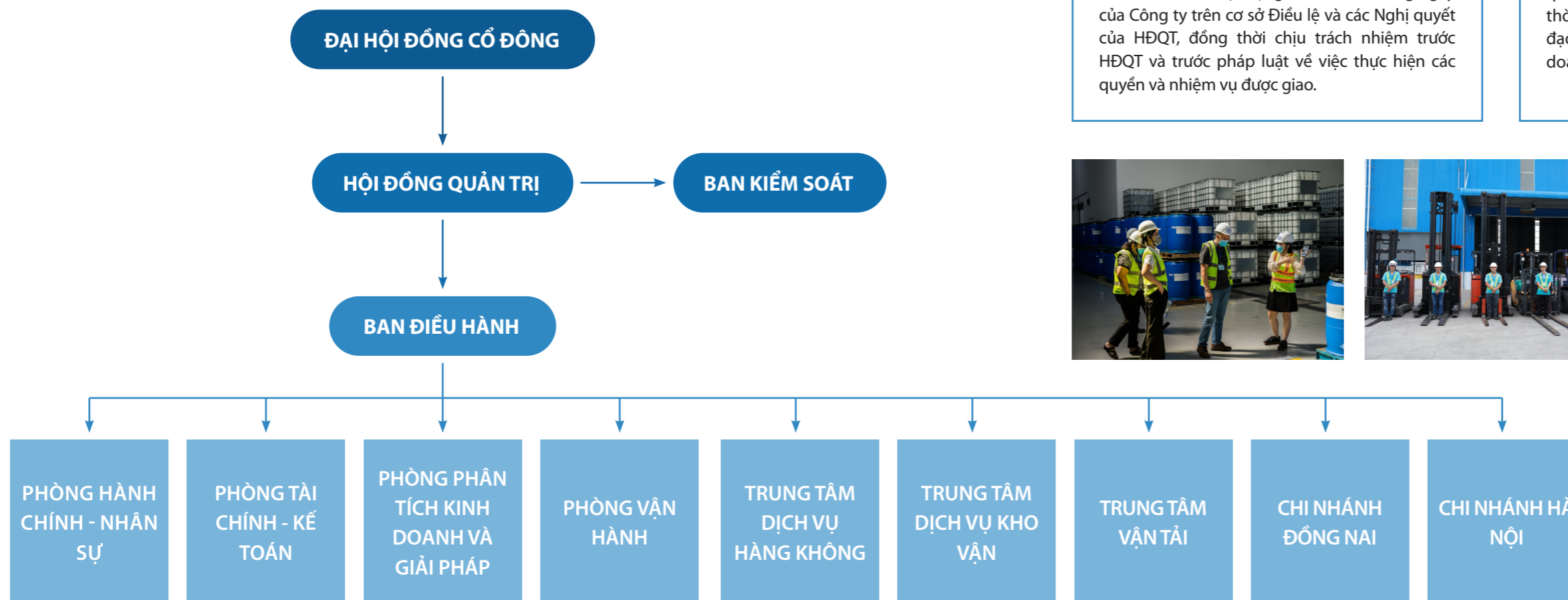
Thành tích này khẳng định vị thế dẫn đầu của TRA-SAS trong phân khúc logistics xanh, đồng thời là động lực để công ty tiếp tục đổi mới, nâng tầm giá trị thương hiệu và tạo ra những tác động tích cực cho chuỗi cung ứng bền vững.



06 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



➤ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



➤ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

<h3>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</h3> <p>ĐHĐCĐ bao gồm toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định toàn bộ hoạt động của Công ty, bao gồm việc bầu, miễn nhiệm Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ.</p>	
<h3>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</h3> <p>HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được tái cử với số nhiệm kỳ không bị giới hạn, có đầy đủ thẩm quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p>	<h3>BAN KIỂM SOÁT (BKS)</h3> <p>BKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành Công ty nhằm báo cáo với ĐHĐCĐ.</p>
<h3>BAN ĐIỀU HÀNH</h3> <p>Ban Điều hành bao gồm 01 TGD và (các) GD do HĐQT quyết định bổ nhiệm. TGD trực tiếp tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở Điều lệ và các Nghị quyết của HĐQT, đồng thời chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p>	<h3>CÁC PHÒNG, BAN CHỨC NĂNG</h3> <p>Các khối, phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác quản lý, chỉ đạo theo lĩnh vực phụ trách, đồng thời triển khai, cụ thể hóa các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ban Điều hành đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>



07 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



➤ TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH ĐẾN NĂM 2030

- Phấn đấu trở thành doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hàng hải tại Việt Nam, mở rộng tầm ảnh hưởng ra khu vực, cung cấp các giải pháp vận tải hiệu quả, an toàn và bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng và đối tác.
- Với nền tảng kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam, TRA-SAS mang đến các dịch vụ tối ưu cho khách hàng, đồng thời triển khai các chiến lược và ứng dụng công nghệ mới mà TRA-SAS đang định hướng. TRA-SAS hướng đến phát triển bền vững và nâng cao chất lượng môi trường cho cộng đồng.



➤ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2030

- Mở rộng thị trường và gia tăng quy mô hoạt động tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả vận hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý.
- Đầu tư nâng cấp phương tiện vận tải, áp dụng công nghệ thân thiện môi trường. Phát triển hệ thống kho bãi, logistics, tăng năng lực vận chuyển.
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hàng hải quốc tế về an toàn và môi trường, triển khai giải pháp vận tải xanh, giảm khí thải và tác động đến môi trường biển.
- Đảm bảo tăng trưởng doanh thu bền vững, tối ưu lợi nhuận cho cổ đông. Kiểm soát chi phí hiệu quả, nâng cao năng suất lao động. Đa dạng hóa nguồn thu từ các dịch vụ giá trị gia tăng trong logistics.



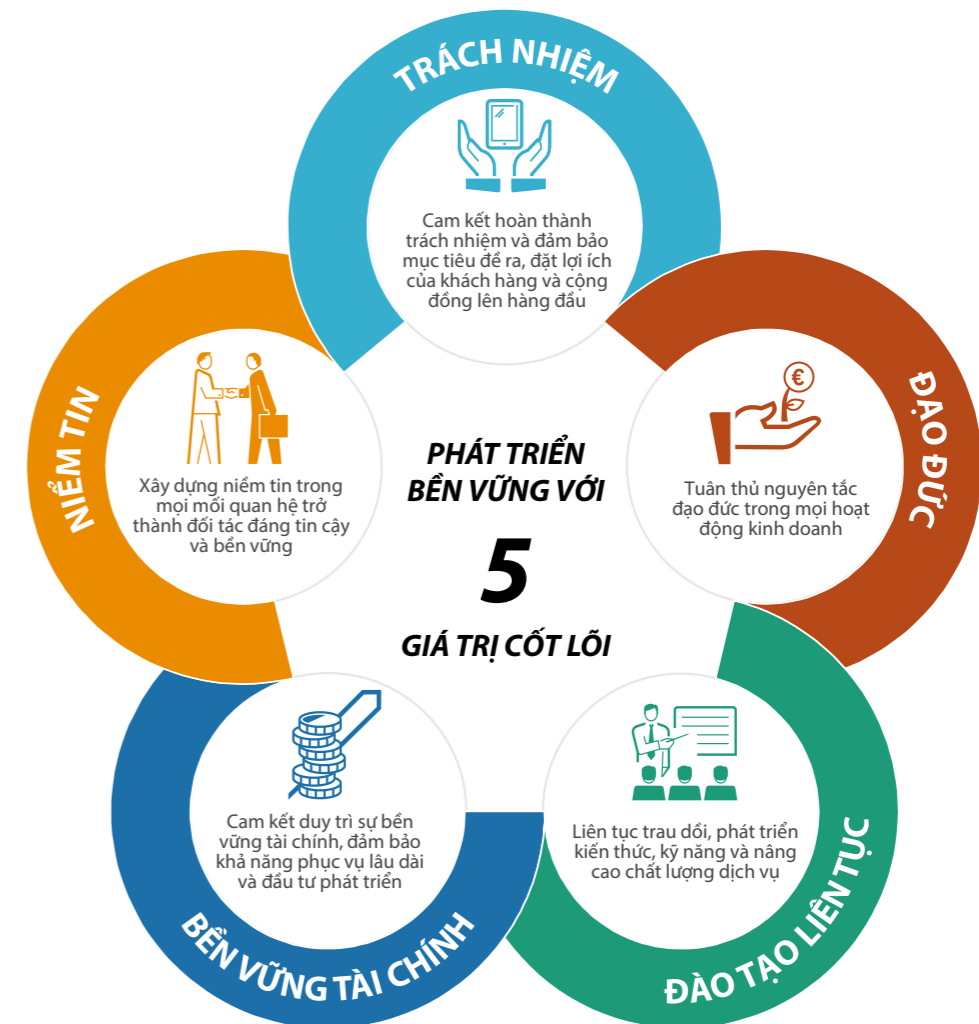
➤ MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRA-SAS kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Chúng tôi liên tục cải tiến công nghệ, tối ưu hoạt động vận tải nhằm giảm phát thải, tiết kiệm nhiên liệu và triển khai các giải pháp logistics xanh.

Song song đó, TRA-SAS chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các đối tác chiến lược trong ngành logistics nhằm mở rộng mạng lưới quốc tế và gia tăng giá trị cho khách hàng.

Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, minh bạch, tạo điều kiện phát triển cho người lao động. Đồng thời, chúng tôi tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành logistics và nền kinh tế Việt Nam.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, TRA-SAS tập trung phát triển dựa trên **5 giá trị cốt lõi**:



08 CÁC RỦI RO



➤ RỦI RO CHUỖI CUNG ỨNG VÀ VẬN HÀNH

Các doanh nghiệp logistics trong năm 2025 đã đối mặt với nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng và vận hành. Bất ổn địa chính trị, xung đột khu vực, thiên tai và các rào cản thương mại đã và đang làm đứt gãy nguồn cung, gây chậm trễ và làm gia tăng chi phí vận chuyển. Tình trạng tắc nghẽn tại cảng biển, kho bãi vẫn xảy ra cục bộ do biến động nhu cầu và hạn chế hạ tầng, kéo dài thời gian giao hàng và làm tăng chi phí lưu kho. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt lao động, đặc biệt là tài xế và nhân sự vận hành, tiếp tục là thách thức lớn khi nguồn cung lao động chưa đáp ứng nhu cầu, ảnh hưởng đến khả năng duy trì hoạt động ổn định của doanh nghiệp.



➤ RỦI RO KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

Trong năm 2025, các doanh nghiệp logistics đã đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro kinh tế và tài chính được đánh giá có tác động đáng kể đến toàn ngành. Trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu chậm lại và tiềm ẩn bất ổn, nhu cầu vận chuyển hàng hóa có thể suy giảm, kéo theo doanh thu đi xuống. Bên cạnh đó, biến động tỷ giá ngoại tệ và thị trường tài chính có thể làm gia tăng chi phí hoặc thu hẹp lợi nhuận từ các hợp đồng quốc tế. Áp lực từ lạm phát và lãi suất cao tiếp tục là thách thức lớn khi giá nhiên liệu, chi phí vận hành và nhân công tăng, làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành.



➤ RỦI RO CÔNG NGHỆ VÀ AN NINH MẠNG

Công nghệ và an ninh mạng trong năm 2025 tiếp tục là lĩnh vực rủi ro quan trọng mà các doanh nghiệp logistics cần lưu ý. Khi ngành ngày càng phụ thuộc vào hệ thống quản lý vận tải, nền tảng số và dữ liệu khách hàng, nguy cơ bị tấn công mạng gia tăng. Các cuộc tấn công, bao gồm cả hình thức sử dụng AI, có thể gây rò rỉ dữ liệu quan trọng, làm gián đoạn hệ thống vận hành và gây tổn thất tài chính đáng kể. Ngoài ra, nếu hệ thống công nghệ gặp sự cố hoặc bị xâm nhập, doanh nghiệp có thể đối diện với tình trạng mất kiểm soát thông tin, ảnh hưởng đến toàn bộ quy trình vận hành.



➤ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÝ

Các quy định pháp lý trong năm 2025 tiếp tục là yếu tố có thể tác động đáng kể đến hoạt động của ngành logistics. Nhiều quốc gia đã và đang siết chặt chính sách môi trường và thúc đẩy giảm phát thải carbon, đặc biệt với các cơ chế như EU ETS mở rộng, buộc doanh nghiệp phải từng bước đầu tư vào công nghệ và phương tiện thân thiện môi trường, làm gia tăng chi phí vận hành. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại và chính sách thuế quan giữa các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc và EU tiếp tục diễn biến phức tạp, làm thay đổi dòng chảy thương mại toàn cầu, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu vận chuyển và gây bất lợi cho các doanh nghiệp logistics hoạt động xuyên biên giới.



➤ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI

Rủi ro về khí hậu và thiên tai trong năm 2025 vẫn là một yếu tố đáng lo ngại. Bão, lũ lụt, hạn hán đã và đang làm gián đoạn các tuyến đường vận chuyển, gây hư hỏng hàng hóa và làm tăng chi phí bảo hiểm. Bên cạnh đó, thời tiết cực đoan như sương mù dày đặc, bão tuyết hay sóng nhiệt cũng khiến việc giao hàng bị chậm trễ, gây ảnh hưởng đến uy tín và khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp logistics.

➤ RỦI RO CẠNH TRANH VÀ THAY ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH

Cuối cùng, cạnh tranh trong ngành trong năm 2025 ngày càng gay gắt khi các công ty công nghệ lớn như Amazon, Alibaba đẩy mạnh dịch vụ logistics của riêng họ, tạo áp lực lớn lên các doanh nghiệp truyền thống. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử cũng buộc các công ty logistics phải liên tục đổi mới, đầu tư vào công nghệ, cải thiện tốc độ giao hàng và tối ưu hóa chi phí để đáp ứng nhu cầu thị trường.



Trước những rủi ro này trong năm 2025, TRA-SAS đã chủ động triển khai các giải pháp ứng phó linh hoạt, đẩy mạnh chuyển đổi số, đa dạng hóa nguồn cung và tối ưu hóa chuỗi cung ứng, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý. Việc nâng cao năng lực thích ứng với biến động thị trường không chỉ giúp TRA-SAS hạn chế rủi ro mà còn củng cố năng lực cạnh tranh, hướng tới tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

09 THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

➤ CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG

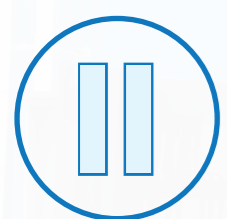
STT	Thành tích
1	Chứng nhận Dịch Vụ Môi Giới Hải Quan Chuyên Nghiệp của Tổng Cục Hải Quan Việt Nam.
2	Cúp vinh danh Đối Tác Tin Cậy của Cục Hải Quan TPHCM năm 2019-2020
3	Chứng nhận là đơn vị góp phần thuận lợi hóa thương mại của Hiệp Hội Logistics Việt Nam năm 2018
4	Giải thưởng Doanh Nghiệp Xuất Sắc của VCCI năm 2018
5	Chứng nhận "Word Logistics Passport" từ tháng 10/2021
6	Chứng nhận ISO 9001:2015 cho Kho Hóa Chất và Hàng Nguy Hiểm
7	Giấy chứng nhận kho đủ điều kiện vệ sinh Thú Y.
8	Giấy phép vận chuyển chất/hàng nguy hiểm cháy, nổ dành cho đội xe tải
9	Giấy chứng nhận tập huấn vận chuyển hàng nguy hiểm của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cho đội ngũ tài xế



➤ HIỆP HỘI



Thành viên của tổ chức hàng đầu thế giới về vận chuyển - Liên minh hàng hóa quốc tế World Cargo Alliance (WCA)



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
5. Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty



01 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



➤ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch 2025	% (+/-) Năm 2025 / Năm 2024	% (+/-) TH Năm 2025 / KH Năm 2025
A Kết quả hoạt động kinh doanh					
1 Doanh thu thuần	1.077,41	1.134,43	1.185,00	5,29%	-4,27%
2 Lợi nhuận gộp	145,57	157,46	-	8,17%	-
3 Doanh thu hoạt động tài chính	3,95	2,12	-	-46,35%	-
4 Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36,55	26,65	40,20	-27,08%	-33,69%
5 Lợi nhuận khác	8,27	37,30	-	331,25%	-
6 Lợi nhuận trước thuế	44,83	63,95	49,50	42,67%	29,20%
7 Lợi nhuận sau thuế	35,78	51,14	39,60	42,92%	29,14%
B Chi phí sản xuất kinh doanh					
1 Giá vốn hàng bán	931,84	976,97	-	4,84%	-
2 Chi phí tài chính	7,24	7,95	-	9,88%	-
3 Chi phí bán hàng	39,18	49,52	-	26,40%	-
4 Chi phí QLDN	66,54	75,45	-	13,38%	-
5 Chi phí khác	0,40	0,09	-	-77,80%	-
6 Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,04	12,82	-	41,70%	-

Nhận xét chung:

- Trong năm 2025, doanh thu thuần của TRA-SAS đạt 1.134,43 tỷ đồng, tăng 5,29% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp cũng ghi nhận mức tăng trưởng 8,17%, đạt 157,46 tỷ đồng, cho thấy Công ty tiếp tục duy trì khả năng kiểm soát giá vốn hiệu quả và cải thiện biên lợi nhuận.
- Tuy nhiên, hoạt động tài chính không còn duy trì được đà tăng trưởng khi doanh thu tài chính giảm 46,35%, còn 2,12 tỷ đồng, phản ánh sự suy giảm từ lãi chênh lệch tỷ giá. Đồng thời, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 27,08%, xuống còn 26,65 tỷ đồng và thấp hơn 33,69% so với kế hoạch, cho thấy hiệu quả hoạt động cốt lõi chịu áp lực nhất định. Ngược lại, lợi nhuận khác tăng đột biến 350,87%, đạt 37,30 tỷ đồng, đóng vai trò bù đắp đáng kể cho sự suy giảm của hoạt động kinh doanh chính.
- Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 63,95 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 51,14 tỷ đồng, lần lượt tăng 43,74% và 42,92% so với năm trước, đồng thời vượt kế hoạch đề ra 29,20% và 29,14%. Điều này cho thấy mặc dù hoạt động cốt lõi suy giảm, Công ty vẫn đạt kết quả lợi nhuận tích cực nhờ các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh chính.
- Về chi phí sản xuất kinh doanh, giá vốn hàng bán tăng 4,84%, thấp hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu, qua đó tiếp tục hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, chi phí bán hàng tăng mạnh 26,40% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13,38%, phản ánh việc Công ty mở rộng hoạt động và gia tăng đầu tư cho vận hành, điều này phần nào gây áp lực lên lợi nhuận từ hoạt động cốt lõi.
- Bên cạnh đó, chi phí tài chính tăng 9,88%, cho thấy chi phí sử dụng vốn có xu hướng gia tăng. Ngược lại, chi phí khác giảm mạnh 77,80%, góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí không thường xuyên. Đáng chú ý, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng 41,70%, phù hợp với mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế, phản ánh hiệu quả kinh doanh tổng thể của Công ty trong năm.

DOANH THU THUẦN

1.134,43 tỷ đồng

tăng **5,29%** so với năm 2024
kém **-4,27%** so với KH năm 2025

LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

26,65 tỷ đồng

giảm **-27,08%** so với năm 2024
kém **-33,69%** so với KH năm 2025

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

63,95 tỷ đồng

tăng **42,67%** so với năm 2024
vượt **29,20%** so với KH năm 2025

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

51,14 tỷ đồng

tăng **42,92%** so với năm 2024
vượt **29,14%** so với KH năm 2025

Từ các kết quả trên, có thể thấy TRA-SAS đã có một năm hoạt động hiệu quả, Công ty đã triển khai những kế hoạch kinh doanh phù hợp, đi đúng phân khúc thị trường giúp Công ty đạt được doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra.

02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA TRA-SAS TÍNH ĐẾN 31/12/2025 LÀ 239 NGƯỜI

TRA-SAS chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, với đội ngũ nhân sự trẻ trung và năng động. Công ty kết hợp giữa sự nhiệt huyết của tuổi trẻ và kinh nghiệm của ban quản lý để mang lại dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng.

TRA-SAS chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực, nơi người lao động được khuyến khích phát triển và đóng góp ý kiến. Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật liên quan đến xuất nhập khẩu và bảo đảm mọi hoạt động tuân thủ đúng quy định, tạo sự an tâm cho nhân viên trong quá trình làm việc.

Với định hướng phát triển nguồn nhân lực toàn diện, TRA-SAS không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn hình thành đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các chính sách đào tạo và phát triển nhân sự của TRA-SAS:



Đào tạo chuyên môn: TRA-SAS thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nghiệp vụ từ cơ bản đến nâng cao, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng cho nhân viên. Đặc biệt, 100% nhân sự đã hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ khai báo hải quan do Tổng cục Hải quan tổ chức.



Tương tác với chuyên gia: TRA-SAS khuyến khích nhân viên tham gia các chương trình trao đổi, học hỏi cùng các chuyên gia trong ngành, cơ quan hải quan và các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, nhằm nâng cao năng lực xử lý công việc, mở rộng kiến thức thực tiễn và thích ứng với yêu cầu thị trường.



Phát triển kỹ năng quản lý: TRA-SAS khuyến khích đội ngũ quản lý tham gia các chương trình MBA, các khóa học chuyên sâu và hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, tư duy chiến lược và hiệu quả quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Danh sách Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	Chủ tịch HĐQT	1.275.140	16,95%
2	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	Thành viên HĐQT	1.507.674	20,04%
3	Ông TRẦN VIỆT HUY	Thành viên HĐQT	1.275.172	16,95%
4	Ông NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	Thành viên HĐQT không điều hành	361.159	4,80%
5	Ông LÊ QUÝ NGHĨA	Thành viên HĐQT	1.213.292 ^(*)	16,12% ^(*)

Ghi chú: () Đại diện phần vốn của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Hợp Tác Đầu Tư Giao Thông Vận Tải.*

2. Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông PHẠM XUÂN KHỎA	Trưởng Ban Kiểm soát	9.722	0,13%
2	Bà TRẦN THỊ TUYẾT LINH	Thành viên Ban Kiểm soát	39.471	0,52%
3	Bà NGUYỄN THỊ VIỆT KIỀU	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0,00%



3. Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông NGUYỄN VĂN QUÝ	Giám Đốc Điều Hành	1.507.674	20,04%
2	Ông TRẦN VIỆT HUY	Tổng Giám đốc	1.275.172	16,95%
3	Ông ĐỖ VĂN MƯỜI	Giám đốc Tài chính	1.275.140	16,95%
4	Ông HỒ TRỌNG BÌNH	Giám đốc Nghiệp vụ	116.334	1,55%

Những thay đổi trong Ban Điều hành: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện điều chỉnh nhân sự Ban Điều hành khi bổ nhiệm Ông Trần Việt Huy từ Giám đốc Điều hành lên giữ chức Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật, đồng thời điều chuyển Ông Nguyễn Văn Quý từ vị trí Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật sang đảm nhiệm chức Giám đốc Điều hành, cùng có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

➤ SƠ YẾU LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐỖ VĂN MƯỜI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính;
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1997 : Financial controller - Rohlig Australia PTY Ltd;
- Từ 1997-2005 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2006-2020 : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 21/09/2020 -17/03/2025 : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Chủ tịch HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 17/03/2025 - nay : Giám đốc Tài chính, Chủ tịch HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.



Ông NGUYỄN VĂN QUÝ

Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch hội đồng chiến lược, Giám Đốc Điều Hành

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế vận tải.

Quá trình công tác:

- 1993 – 1996 : Công ty Vitranschart;
- 1996 – 1998 : Giám đốc Trung tâm Giao nhận Xí Nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 1998 – 2006 : Giám đốc Xí Nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 2006 - 2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- 21/09/2020 - 30/06/2025 : Thành viên HĐQT ; Tổng Giám đốc Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.
- 01/07/2025 - nay : Thành viên HĐQT ; Chủ tịch hội đồng chiến lược ; Giám Đốc Điều Hành

Ông NGUYỄN THÀNH ĐỒNG

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Quá trình công tác:

- Từ 1984 : Du học sinh tại Cộng Hòa Séc;
- Từ 1990 : Sống và làm việc tại Cộng Hòa Ba Lan;
- Từ 2003 : Chủ tịch Công ty CP Đầu tư Investone;
- Hiện nay : Chủ tịch Công ty CP Đầu tư Investone; Chủ tịch Cty CP Những trẻ em Vàng; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH APEX ; Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

Ông TRẦN VIỆT HUY

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân chuyên ngành Điện tàu thủy;
- Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 1996 : Nhân viên dự án - Phili Orient Lines;
- Từ 1996 – 1998 : Trưởng Phòng - Phan Vũ Logistics;
- Từ 1998 – 2005 : Trưởng phòng, phó Giám đốc Xí nghiệp Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2005 – 30/6/2025 : Giám đốc Điều hành, Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.
- Từ 01/07/2025 – nay : Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.



Ông LÊ QUÝ NGHĨA

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 09/2001 - 11/2002 : Phó GD TTKD XNK và DV Tổng hợp (Tracimexco);
- 11/2002 - 07/2003 : Phó Giám đốc Trung tâm XKLD (Tracimexco);
- 07/2003 - 12/2004 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp Vận tải biển và DV Hàng hải (TRA-SAS);
- 12/2004 - 04/2007 : Trưởng phòng KD XNK (Tracimexco);
- 04/2007 - 04/2010 : Bí thư chi bộ, Giám đốc Nhà máy SX Lắp ráp và đóng mới ô tô buýt;
- 04/2010 - 12/2014 : Trưởng phòng Kế hoạch KD Công ty Tracimexco;
- 01/2015 - 02/2015: Phó Tổng giám đốc công ty Tracimexco;
- 06/2010 - 06/2015 : Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty Tracimexco;
- 12/2013 - 12/2018: Phó chủ tịch Công đoàn Công ty Tracimexco;
- 01/2009 – 07/2023: Ủy viên Hội đồng Quản trị (Hội đồng thành viên) Công ty Tracimexco;
- 02/2015 – 07/2023: Tổng giám đốc Công ty CP XNK và Hợp tác Đầu tư GTVT (Tracimexco);
- 06/2015 – 07/2023: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Tracimexco;
- 08/2015 – 07/2023: Ủy viên BCH Đảng bộ Khối Cơ sở Bộ GTVT;
- 07/2023 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cp Tracimexco;
- 07/2023- nay: Bí thư Đảng ủy Công ty CP Tracimexco.

02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

➤ SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông PHẠM XUÂN KHỎA Trưởng Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân.

Quá trình công tác:

- Từ: Tháng 10/2008 -11/2015 : Nhân viên kế toán Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ tháng 12/2015 - 04/2023: Kế toán trưởng Chi nhánh - Cty CP Vận Tải Và Dịch Vụ Hàng Hải Tại Hà Nội;
- Từ 05/2023 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

Bà TRẦN THỊ TUYẾT LINH Thành viên Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Khoa học.

Quá trình công tác:

- Từ 1998-2001 : Nhân viên XNK Công ty Giày Da Huê Phong;
- Từ 2003-2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh Xí Nghiệp vận tải biển;
- Từ 2005-2007 : Nhân viên Phòng Kinh doanh Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 2008- 04/2023: Phó phòng Vận Hành Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 05/2023 - nay: Phó phòng Vận Hành; Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải.

Bà NGUYỄN THỊ VIỆT KIỀU Thành viên Ban Kiểm soát



Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật quốc tế.

Quá trình công tác:

- Từ 07/2018 đến 04/2020 : Chuyên viên Nhân sự - Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng;
- Từ 05/2020 đến 04/2023 :Chuyên viên Tuyển dụng – Đào tạo - Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 05/2023 đến 05/2024 : Chuyên viên Tuyển dụng – Đào tạo ; Thành viên Ban kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 06/2024 - 10/2025: Phó phòng Hành chính Nhân sự , Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải;
- Từ 11/2025 - nay: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự , Thành viên Ban Kiểm soát Cty CP Vận Tải và DV Hàng Hải

➤ SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN QUỲ Giám Đốc Điều Hành

Ông TRẦN VIỆT HUY Tổng Giám Đốc

Ông ĐỖ VĂN MƯỜI Giám đốc Tài chính

Ông HỒ TRỌNG BÌNH Giám đốc Nghiệp vụ

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Đại học Ngoại Thương.

Quá trình công tác:

- Năm 2000 - 2004 : Nhân viên HEUNG-A SHIPPING;
- Năm 2005 - 30/11/2020 : Trưởng phòng Dự án ; Thành viên BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
- 12/2020 - 05/2023: Giám đốc Nghiệp vụ; Thành viên BKS CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải;
- 05/2023 - 08/2025: Giám Đốc Nghiệp vụ CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải
- 09/2025 - nay: Giám Đốc Nghiệp vụ kiêm Trưởng phòng Vận Hành CTCP Vận tải và Dịch vụ Hàng hải

03 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

➤ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng / giảm
1	Tổng giá trị tài sản	452,80	627,08	38,49%
2	Doanh thu thuần	1.077,41	1.134,43	5,29%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36,55	26,65	-27,08%
4	Lợi nhuận khác	8,27	37,30	350,87%
5	Lợi nhuận trước thuế	44,83	63,95	42,67%
6	Lợi nhuận sau thuế	35,78	51,14	42,91%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	0,00%



➤ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2024	Năm 2025
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,40	1,27
	<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
+	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,16	0,86
	<i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41,64%	51,27%
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	71,36%	105,22%
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	25,03	12,12
	<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
+	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,54	2,10
	<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>			
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,32%	4,51%
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,54%	16,73%
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,90%	8,15%
+	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,39%	2,35%



04 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
7.524.034	Cổ phần phổ thông	7.524.034	0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông nhà nước	0	0,00%	0
II	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần	5.723.145	76,06%	5
1	Trong nước	5.723.145	76,06%	5
1.1	Cá nhân	4.509.853	59,94%	4
1.2	Tổ chức	1.213.292	16,13%	1
2	Nước ngoài	0	0,00%	0
2.1	Cá nhân	0	0,00%	0
2.2	Tổ chức	0	0,00%	0
III	Cổ phiếu quỹ	12.100	0,16%	1
IV	Cổ đông khác	1.788.789	23,77%	161
1	Trong nước	1.788.789	23,77%	161
1.1	Cá nhân	1.642.267	21,83%	158
1.2	Tổ chức	146.522	1,95%	3
2	Nước ngoài	0	0,00%	0
2.1	Cá nhân	0	0,00%	0
2.2	Tổ chức	0	0,00%	0
Tổng cộng		7.524.034	100,00%	167

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGUYỄN VĂN QUÝ	1.507.674	20,04%
2	ĐỖ VĂN MƯỜI	1.275.140	16,95%
3	TRẦN VIỆT HUY	1.275.172	16,95%
4	CTCP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI	1.213.292	16,12%
5	NGUYỄN THÀNH ĐỒNG	361.159	4,80%

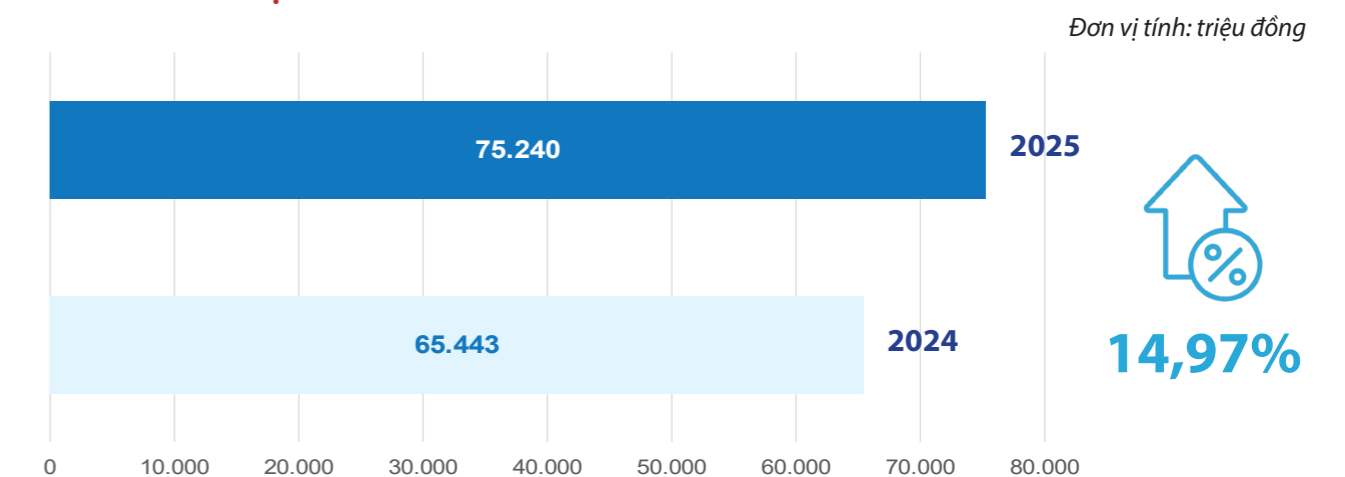
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với các thông tin cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 979.766 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 9.797.660.000 đồng.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 22/09/2025.

Theo đó, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tăng từ 65.442.680.000 đồng, lên 75.240.340.000 đồng.

VỐN ĐIỀU LỆ





05 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

➤ TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

TRA-SAS cam kết theo dõi và đánh giá lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động vận tải và dịch vụ hàng hải, nhằm xác định rõ tác động đến môi trường và triển khai các biện pháp giảm thiểu phù hợp. Đồng thời, Công ty ưu tiên sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường, tối ưu hóa hành trình vận tải để nâng cao hiệu suất tiêu thụ nhiên liệu và giảm phát thải. Bên cạnh đó, Công ty ứng dụng công nghệ tiên tiến trong vận hành nhằm kiểm soát và hạn chế khí thải ra môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái. Ngoài ra, TRA-SAS tăng cường hợp tác với các tổ chức môi trường và đối tác chiến lược để triển khai các sáng kiến bù đắp carbon, hướng tới phát triển bền vững và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.



➤ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU, TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC

Để quản lý nguồn nguyên vật liệu, Công ty sử dụng có kế hoạch, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất và vận hành, đồng thời tối ưu nhằm giảm thiểu lãng phí. Việc quản lý hiệu quả không chỉ nâng cao hiệu suất hoạt động mà còn góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Về tiêu thụ năng lượng, Công ty tập trung tối ưu hiệu suất sử dụng nhiên liệu trên các phương tiện vận tải thông qua việc áp dụng công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến. Nhờ đó, hoạt động vận tải được cải thiện hiệu quả, giảm tiêu hao nhiên liệu và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Đối với tiêu thụ nước, Công ty sử dụng từ các nguồn cung cấp phù hợp với nhu cầu vận hành, đồng thời triển khai các biện pháp quản lý nhằm hạn chế lãng phí. Hoạt động giám sát và tối ưu hóa tiêu thụ nước được thực hiện định kỳ để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

➤ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRA-SAS cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế tối đa rủi ro vi phạm. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật các chính sách quản lý môi trường để bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành, giảm thiểu nguy cơ bị xử phạt. Song song với việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý, Công ty chủ động triển khai các sáng kiến phát triển bền vững, qua đó nâng cao trách nhiệm môi trường trong toàn bộ hoạt động kinh doanh và vận hành.



➤ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

TRA-SAS tích cực tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng nhằm đóng góp cho xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. Công ty hỗ trợ các chương trình giáo dục, y tế và môi trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty tham gia các chương trình

bảo vệ môi trường như trồng cây xanh, bảo vệ nguồn nước và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu. Những hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội mà còn góp phần xây dựng mối quan hệ gắn kết, bền vững với cộng đồng.



➤ BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH



TRA-SAS hướng tới phát triển bền vững thông qua việc tham gia các hoạt động tài chính xanh theo định hướng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cam kết tuân thủ các chuẩn mực về phát triển bền vững trong hoạt động đầu tư và tích cực tham gia các dự án tài chính gắn với bảo vệ môi trường. Việc tiếp cận thị trường vốn xanh không chỉ giúp công ty gia tăng cơ hội tài chính mà còn thể hiện cam kết rõ ràng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Những định hướng này góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp và thu hút sự quan tâm từ các nhà đầu tư.

05 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

➤ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tổng số người lao động năm 2025

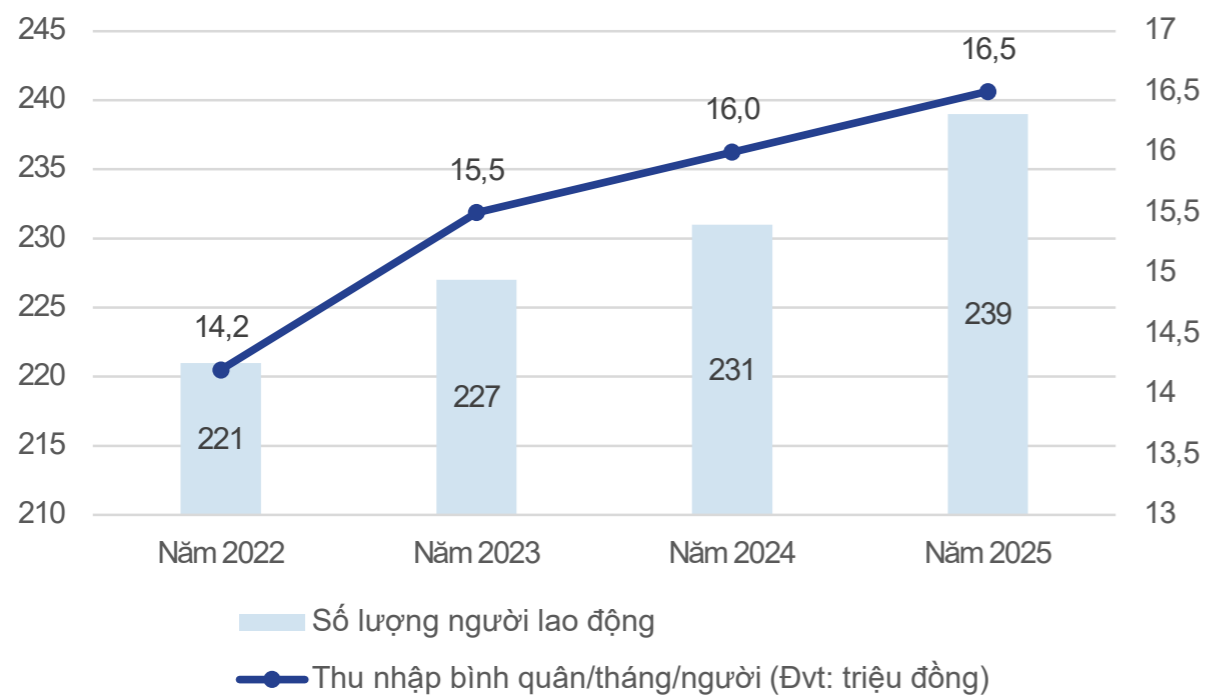
239 NGƯỜI

TRA-SAS luôn lấy con người làm trọng tâm trong chiến lược phát triển, bảo đảm việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động. Công ty xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của nhân viên.

Nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động, Công ty triển khai nhiều chính sách bảo hiểm, chăm sóc y tế và cải thiện điều kiện làm việc. Đồng thời, các chương trình đào tạo được tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh các chương trình đào tạo kỹ năng và học tập liên tục, giúp nhân viên thích ứng với sự thay đổi của ngành, bảo đảm cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Biểu đồ số lượng CBNV và thu nhập bình quân giai đoạn 2022 -2025





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025
2. Các tiến bộ Công ty đạt được
3. Báo cáo tình hình tài chính
4. Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2026



01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

➤ KHÓ KHĂN - THÁCH THỨC CỦA THỊ TRƯỜNG LOGISTICS

1. Gia tăng xung đột vũ trang và rủi ro địa chính trị

Liên quan đến các xung đột vũ trang trên thế giới trong năm 2025, tình hình địa chính trị tiếp tục tạo áp lực lớn lên chuỗi cung ứng toàn cầu và hoạt động logistics. Căng thẳng tại Biển Đỏ và các vụ tấn công vào tàu buồm nhiều tuyến vận tải phải đi vòng, dẫn đến chi phí vận tải và bảo hiểm tăng, đồng thời kéo dài thời gian giao hàng. Xung đột kéo dài tại Ukraine cũng ảnh hưởng đến dòng chảy hàng hóa và nhiên liệu, gián đoạn các tuyến vận chuyển, buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh lịch trình và tăng chi phí vận hành. Các tuyến vận tải qua khu vực này vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, tác động đến chi phí và tính linh hoạt của mạng lưới logistics. Những biến động này làm tăng chi phí nhiên liệu, vận tải và bảo hiểm, kéo dài thời gian giao hàng, ảnh hưởng hiệu quả vận hành và độ tin cậy chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp logistics phải thích ứng với môi trường bất ổn và tăng cường chiến lược để duy trì hoạt động ổn định.

2. Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao

Ngành logistics Việt Nam vẫn đối mặt với khó khăn trong việc thu hút và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu. Sự thiếu hụt nhân sự có chuyên môn về quản lý chuỗi cung ứng, công nghệ thông tin và logistics quốc tế đang hạn chế đà phát triển của ngành. Nguồn nhân lực logistics không chỉ thiếu về số lượng mà còn chưa đáp ứng về chất lượng. Lực lượng được đào tạo bài bản còn hạn chế, đặc biệt thiếu nhân sự trình độ cao có khả năng ứng dụng và triển khai các công nghệ mới tại doanh nghiệp.



3. Chi phí vận chuyển tăng cao

Mặc dù cơ sở hạ tầng giao thông đang được cải thiện, nhưng chi phí vận chuyển vẫn còn cao. Hoạt động vận tải biển trong nước chịu ảnh hưởng lớn từ biến động thị trường quốc tế khiến giá cước thay đổi liên tục, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Trong năm 2025, cước vận tải biển từ các cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh đi Mỹ, châu Âu tiếp tục dao động mạnh đối với mỗi container loại 40 feet. Việc biến động giá cước do tác động của các yếu tố như xung đột Nga-Ukraine, căng thẳng tại Biển Đỏ và tình trạng hạn hán kéo dài tại kênh đào Panama. Điều này làm gia tăng chi phí vận hành, kéo dài thời gian giao hàng và giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp logistics Việt Nam so với các đối thủ quốc tế.



4. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành

Ngành logistics đang đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt cả trong nước và quốc tế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và sự mở rộng của thương mại điện tử. Các tập đoàn logistics toàn cầu với tiềm lực tài chính mạnh, mạng lưới rộng và công nghệ hiện đại tiếp tục chiếm ưu thế, tạo áp lực lớn lên doanh nghiệp nội địa vốn còn hạn chế về quy mô, nhân lực và khả năng tích hợp chuỗi cung ứng.

Trong khi đó, thị trường logistics Việt Nam năm 2025 đạt quy mô trên 50 tỷ USD và tiếp tục tăng trưởng, song vẫn tồn tại các thách thức về chi phí cao, hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực, khiến năng lực cạnh tranh của



5. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa (RPA)

Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại là bước đi tất yếu trong bối cảnh năm 2025 khi ngành logistics chịu áp lực tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và tăng khả năng thích ứng trước gián đoạn chuỗi cung ứng. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, hệ thống quản lý vận tải (TMS) và Internet vạn vật (IoT) không chỉ cải thiện quản lý mà còn giúp tăng minh bạch, tối ưu tuyến đường và dự báo nhu cầu chính xác hơn. Đặc biệt, tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) và robot kho vận giúp xử lý các tác vụ lặp lại, giảm sai sót và phụ thuộc lao động thủ công. Tuy nhiên, do chi phí đầu tư và tích hợp hệ thống còn cao, các doanh nghiệp hiện ưu tiên giải pháp bán tự động hoặc triển khai linh hoạt theo mô hình nền tảng dịch vụ (SaaS), cho phép từng bước hiện đại hóa mà vẫn kiểm soát chi phí.

doanh nghiệp trong nước chưa đồng đều. Phần lớn thị phần các dịch vụ giá trị cao vẫn do doanh nghiệp nước ngoài nắm giữ.

Đáng chú ý, xu hướng tái cấu trúc ngành logistics toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, với các hãng tàu lớn như MSC, Maersk và CMA CGM nắm giữ thị phần đáng kể (trên 40% toàn cầu) và đẩy mạnh chiến lược tích hợp dọc chuỗi cung ứng. Năm 2025 cũng ghi nhận làn sóng M&A và tái cấu trúc liên minh vận tải biển, cùng với việc các tập đoàn lớn mở rộng sang logistics tích hợp và dịch vụ giá trị gia tăng nhằm cung cấp giải pháp trọn gói cho khách hàng.

Xu hướng này cho thấy cạnh tranh trong ngành không chỉ dừng ở vận tải mà đã chuyển sang cạnh tranh toàn diện về hệ sinh thái dịch vụ, công nghệ và khả năng tích hợp chuỗi cung ứng, đặt ra yêu cầu cấp thiết cho doanh nghiệp logistics Việt Nam trong việc nâng cao năng lực và liên kết để thích ứng.



6. Xu hướng phát triển logistics xanh, giảm phát thải và thực hành ESG

Giảm phát thải carbon là ưu tiên hàng đầu của ngành logistics trong bối cảnh năm 2025 khi các tiêu chuẩn ESG và yêu cầu minh bạch từ thị trường quốc tế ngày càng khắt khe. Doanh nghiệp đang hướng đến đầu tư đội xe điện, kho vận tiết kiệm năng lượng và giải pháp đóng gói bền vững nhằm giảm tác động môi trường. Đồng thời, việc đo lường và báo cáo phát thải ngày càng được chú trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc triển khai ESG vẫn chưa đồng đều giữa các doanh nghiệp, nhiều đơn vị mới ở giai đoạn lập kế hoạch hoặc triển khai từng phần do hạn chế về chi phí và công nghệ. Logistics xanh vì vậy vẫn là bài toán dài hạn khi vận tải còn phụ thuộc lớn vào nhiên liệu hóa thạch và khó chuyển đổi trong ngắn hạn.



01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

➤ THUẬN LỢI CỦA THỊ TRƯỜNG LOGISTICS

01

Chính sách và đầu tư hạ tầng của Chính phủ thúc đẩy phát triển ngành logistics Việt Nam

Ngành logistics Việt Nam đang có những bước chuyển mình quan trọng nhờ sự đồng hành và hỗ trợ từ Chính phủ.

Chính phủ tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy số hóa và đơn giản hóa quy trình hải quan, giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Các cảng biển chiến lược như Lạch Huyện (Hải Phòng) và Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) tiếp tục được đầu tư nâng cấp, tạo động lực cho vận tải biển.

Ngoài ra, các chính sách thu hút đầu tư quốc tế và tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới cũng đang được Chính phủ tích cực triển khai.

02

Xuất khẩu phục hồi thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ của ngành logistics Việt Nam

Năm 2025, ngành logistics Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ sự mở rộng mạnh mẽ của hoạt động xuất khẩu.

Xuất khẩu Việt Nam năm 2025 tăng trưởng khoảng 16%, đạt trên 470 tỷ USD và đưa tổng kim ngạch thương mại lên mức kỷ lục hơn 900 tỷ USD. Các ngành chủ lực như điện tử, dệt may và máy móc tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, góp phần thúc đẩy nhu cầu logistics.

Sự tăng trưởng thương mại kéo theo sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển và logistics tiếp tục gia tăng, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

03

Hạ tầng logistics phát triển đồng bộ, thúc đẩy kết nối đa phương thức và mở rộng không gian phát triển

Hạ tầng logistics Việt Nam đang phát triển nhanh với nhiều dự án quy mô lớn, hiện đại, góp phần hoàn thiện cơ cấu và tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải như đường bộ, hàng không và đường biển, cùng với hạ tầng điện và viễn thông. Đồng thời, việc khai thác và mở rộng các không gian như biển, không gian ngầm và các lĩnh vực mới cũng đang được thúc đẩy.

04

Thương mại điện tử và AI trở thành động lực tăng trưởng mới cho ngành logistics

Các động lực tăng trưởng chính của thị trường logistics toàn cầu năm 2025 tiếp tục đến từ sự bùng nổ của thương mại điện tử, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của mô hình social commerce và bán hàng đa nền tảng. Sự tăng trưởng này càng được thúc đẩy khi doanh nghiệp ứng dụng AI, cho phép phân tích dữ liệu lớn, cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm và tối ưu vận hành, từ đó nâng cao mức độ gắn kết và trung thành của khách hàng. Tại Việt Nam, thương mại điện tử tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao trong năm 2025, với quy mô thị trường đạt khoảng 31 tỷ USD và tăng trưởng trên 25%, trở thành một trong những thị trường phát triển nhanh nhất khu vực. Sự mở rộng này tạo động lực mạnh mẽ cho ngành logistics, thúc đẩy nhu cầu vận chuyển, lưu kho và hoàn tất đơn hàng, đồng thời gia tăng vai trò của logistics trong việc hỗ trợ thương mại điện tử phát triển bền vững.

05

Doanh nghiệp logistics nội địa giữ lợi thế về hạ tầng và nguồn nhân lực

Xét trên tổng thể ngành logistics Việt Nam trong những năm gần đây, các doanh nghiệp nội địa vẫn sở hữu một số lợi thế nhất định so với doanh nghiệp nước ngoài. Thứ nhất, doanh nghiệp trong nước nắm giữ và khai thác phần lớn hệ thống kho bãi và hạ tầng logistics, qua đó có thể tối ưu chi phí nhờ chủ động sử dụng phương tiện vận tải và cơ sở lưu trữ, trong khi doanh nghiệp nước ngoài thường phải thuê lại hoặc hợp tác liên doanh để triển khai dịch vụ. Thứ hai, về nguồn nhân lực, lực lượng lao động trong nước ngày càng được nâng cao về trình độ chuyên môn thông qua đào tạo, có khả năng thích ứng nhanh và tiếp cận hiệu quả với quy trình vận hành cũng như công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.



02 CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2025

➤ VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, đến năm 2025 Công ty đã xây dựng được chuỗi cung ứng dịch vụ tương đối hoàn chỉnh trong lĩnh vực giao nhận hàng hóa, bao gồm vận tải quốc tế đường biển và hàng không, vận tải nội địa đa phương thức, dịch vụ khai thuê hải quan, thương mại, giải pháp tài chính hỗ trợ thuế nhập khẩu, cùng hệ thống kho bãi và quản lý tồn kho, phân phối hàng hóa đến các kênh bán lẻ và hệ thống siêu thị. So với các doanh nghiệp cùng ngành, TRA-SAS có lợi thế về cơ sở vật chất hiện đại, từng bước ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành, cùng đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và am hiểu thị trường.

Công ty duy trì mạng lưới chi nhánh và văn phòng đại diện tại các trung tâm kinh tế và cảng biển trọng điểm như TP. HCM, Hà Nội và Đồng Nai đảm bảo khả năng kết nối và phục vụ khách hàng trên phạm vi toàn quốc.

Năng lực cạnh tranh được củng cố nhờ quy trình dịch vụ khép kín từ tiếp nhận – vận chuyển – lưu kho – phân phối, kết hợp với hệ thống kho bãi quy mô lớn, đội xe vận tải chuyên dụng và kinh nghiệm trong lĩnh vực hải quan, logistics và giao nhận. Đồng thời, Công ty đang từng bước nâng cao hiệu quả vận hành thông qua số hóa quy trình và tối ưu chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay, đặc biệt đến năm 2025, ngành sản xuất công nghiệp, hóa chất và hàng nguy hiểm tiếp tục giữ vai trò thiết yếu trong chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, việc quản lý, vận chuyển và lưu trữ các mặt hàng này vẫn là thách thức lớn đối với doanh nghiệp do yêu cầu ngày càng khắt khe về an toàn, môi trường và tuân thủ pháp lý, trong khi số lượng kho đạt chuẩn theo quy định tại Việt Nam vẫn còn hạn chế.

Nắm bắt xu hướng đó, TRA-SAS đã đầu tư xây dựng và vận hành Kho Hóa Chất và Hàng Nguy Hiểm tại Cụm Khu Công Nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, với tổng diện tích hơn 16.800 m². Dự án được phát triển theo hướng hiện đại, tích hợp các tiêu chuẩn an toàn mới về phòng cháy chữa cháy, quản lý rủi ro và giám sát vận hành, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và quy định pháp luật.





02 CÁC TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2025

➤ THƯƠNG HIỆU

Trong những năm gần đây, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành kho bãi. Đồng thời, Công ty chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của ngành dịch vụ logistics. Hiện nay, Công ty sở hữu lực lượng lao động năng động, hướng đến cung ứng dịch vụ chất lượng cao, nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và đủ năng lực phục vụ các khách hàng quy mô lớn.

Trong năm 2025, doanh nghiệp đã đạt được Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu trong Sáng kiến ESG Việt Nam 2025 do Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) bình chọn.

BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Hệ thống quản trị và bộ máy điều hành của Công ty được cải tiến liên tục theo hướng linh hoạt, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập trong giai đoạn mới. Công ty từng bước tiếp cận các chuẩn mực quản trị hiện đại theo xu hướng quốc tế như ISO, ESG, đồng thời ứng dụng công nghệ như AI và RPA nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.

NGUỒN NHÂN LỰC

Thành viên HĐQT và Ban điều hành đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải và logistics, định hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để nâng cao năng lực quản trị. Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đại học và sau đại học, giàu kinh nghiệm thực tiễn; lực lượng kinh doanh có chuyên môn tốt, nhạy bén với thị trường và gắn bó với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

03 BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2025

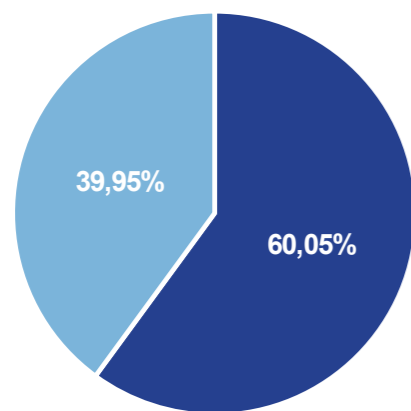
➤ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025
I	Tài sản ngắn hạn	239.428.555.635	376.587.190.210
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	16.705.919.363	50.535.799.934
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	369.164.066	372.004.064
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	165.494.853.212	182.591.714.857
-	Hàng tồn kho	40.211.515.541	121.014.568.370
-	Tài sản ngắn hạn khác	16.647.103.453	22.073.102.985
II	Tài sản dài hạn	213.367.543.904	250.489.932.383
-	Các khoản phải thu dài hạn	2.478.484.000	5.058.717.000
-	Tài sản cố định	186.811.328.734	239.271.100.993
-	Tài sản dở dang dài hạn	18.389.147.205	-
-	Tài sản dài hạn khác	5.688.583.965	6.160.114.390
@	TỔNG TÀI SẢN	452.796.099.539	627.077.122.593

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của TRA-SAS

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2025



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

TỔNG TÀI SẢN



38,49%

SO VỚI NĂM 2024

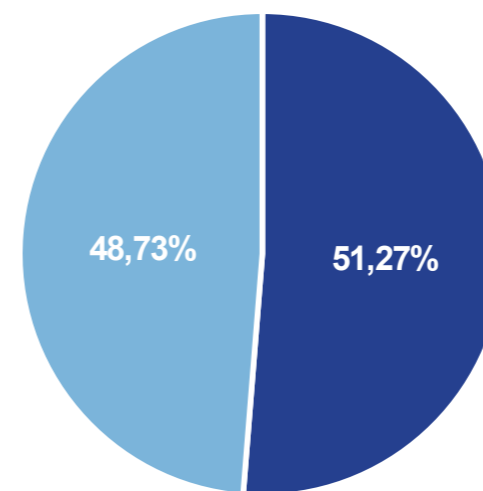
➤ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025
I	Nợ phải trả	188.564.875.455	321.507.399.306
-	Nợ ngắn hạn	171.554.054.437	296.787.923.136
-	Nợ dài hạn	17.010.821.018	24.719.476.170
II	Vốn chủ sở hữu	264.231.224.084	305.569.723.287
@	TỔNG NGUỒN VỐN	452.796.099.539	627.077.122.593

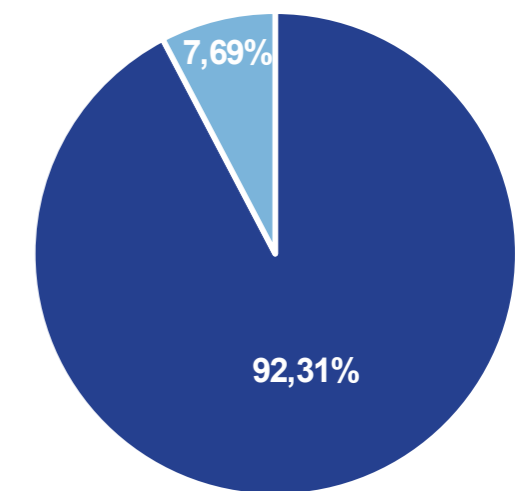
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của TRA-SAS

CƠ CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2025



■ Nợ phải trả ■ Vốn chủ sở hữu

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2025



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

04 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2026



Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2025, bám sát chiến lược phát triển trung hạn và thích ứng với bối cảnh thị trường năm 2026, TRA-SAS xây dựng kế hoạch kinh doanh với các mục tiêu trọng tâm nhằm củng cố nền tảng tăng trưởng bền vững, nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu giá trị cho cổ đông.

➤ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH NĂM 2026

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
Doanh thu thuần	1.134.427.894	1.185.000.000
Lợi nhuận HĐKD	26.654.969	40.200.000
Lợi nhuận trước thuế	63.952.776	49.500.000
Lợi nhuận sau thuế	51.136.751	39.600.000

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động và rủi ro gia tăng do các cú sốc địa chính trị và năng lượng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động logistics và thương mại quốc tế. Trước bối cảnh đó, Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược và triển khai các kế hoạch kinh doanh linh hoạt nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh nhiều bất định và duy trì ổn định hoạt động.

Mặc dù kết quả năm 2025 ghi nhận những tín hiệu tích cực, Công ty vẫn xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo hướng thận trọng, với mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức hợp lý, không quá 10% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu gồm:

- Tình hình kinh tế năm 2025 chịu tác động từ các xung đột địa chính trị (Nga- Ukraina – NATO; hoặc Mỹ - Trung Quốc) có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, làm tăng giá năng lượng và chi phí vận chuyển
- Xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và chính sách thuế quan, làm gia tăng rủi ro và chi phí trong hoạt động xuất nhập khẩu
- Sự phát triển nhanh của công nghệ AI và tự động hóa, buộc doanh nghiệp phải đầu tư để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh
- Xu hướng logistics xanh và yêu cầu thực hành ESG ngày càng trở nên quan trọng, đặt ra yêu cầu chuyển đổi theo hướng bền vững trong dài hạn

➤ CƠ SỞ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Kế hoạch đầu tư mở rộng HĐKD

- Tăng cường hoạt động tiếp thị và quảng bá hình ảnh, dịch vụ kho hóa chất và hàng nguy hiểm tại Cụm Công Nghiệp Nhơn Trạch – Đồng Nai, đồng thời nâng cao năng lực vận hành kho vận, đáp ứng các yêu cầu quản lý ngày càng khắt khe về an toàn và tuân thủ.
- Hoàn thiện văn phòng mới (TRA-SAS Building) tại 106–112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh và chính thức chuyển trụ sở làm việc chính về đây từ ngày 18/08/2025, qua đó góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ và xây dựng môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp.
- Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm cung ứng dịch vụ cho các doanh nghiệp FDI và các nhà máy quy mô lớn tại Việt Nam.
- Tập trung phát triển tệp khách hàng là nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời mở rộng tham gia sâu hơn vào chuỗi dịch vụ vận tải quốc tế.
- Phát triển mạnh mẽ vận chuyển nội địa, kết hợp mở rộng đầu tư hệ thống kho bãi và trung tâm logistics.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ hiện đại như AI, tự động hóa (RPA), nền tảng quản lý vận tải (TMS) và hệ thống quản trị doanh nghiệp tích hợp (ERP/SAP), nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng cạnh tranh trong bối cảnh năm 2025.



Công tác quản lý Công ty

- Tăng cường giám sát và triển khai công tác quản trị Công ty theo Điều lệ đã cập nhật và các quy chế nội bộ, phù hợp với yêu cầu quản trị hiện đại và minh bạch trong năm 2025.
- Tập trung nâng cao năng lực thực thi trong toàn bộ chuỗi dịch vụ logistics, đặc biệt là phát triển vận tải nội địa và đầu tư bổ sung phương tiện, kết hợp ứng dụng công nghệ để tối ưu hiệu quả vận hành.
- Chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ nhằm giảm thiểu sai sót và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động thông qua kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành, chi phí thuê ngoài và đẩy mạnh số hóa để nâng cao hiệu quả quản trị.
- Duy trì cơ cấu nhân sự tinh gọn, hiệu quả; đồng thời thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh và công nghệ, thông qua chính sách đãi ngộ và khen thưởng phù hợp.



IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG LOGISTICS NĂM 2025

Năm 2025, thị trường logistics toàn cầu tiếp tục tăng trưởng ổn định trong bối cảnh chuỗi cung ứng thích ứng với biến động địa chính trị và thương mại quốc tế. Quy mô thị trường tiếp tục mở rộng với tốc độ tăng trưởng ổn định, được thúc đẩy bởi sự gia tăng của thương mại điện tử, xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng và nhu cầu tối ưu hóa vận hành. Các xu hướng chủ đạo bao gồm chuyển đổi số, logistics xanh, ứng dụng AI trong tối ưu hóa chuỗi cung ứng, cùng với sự phát triển của kho bãi thông minh và tự động hóa. Nhiều tập đoàn logistics lớn như Maersk, DHL và FedEx tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, phương tiện vận tải xanh và mở rộng mạng lưới toàn cầu nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và giảm phát thải carbon.

Tại Việt Nam, ngành logistics tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với tốc độ 14–16%/năm, đạt quy mô khoảng 45–50 tỷ USD vào năm 2025. Với lợi thế nằm trong khu vực kinh tế năng động, Việt Nam hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs), sự phát triển của các khu thương mại tự do (FTZ) và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc các doanh nghiệp FDI gia tăng đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất và thương mại điện tử, tiếp tục thúc đẩy nhu cầu vận tải, kho bãi và giao nhận hàng hóa.



Tuy nhiên, thị trường logistics Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, chi phí logistics còn cao (khoảng 16,8–17% GDP, cao hơn mức trung bình thế giới khoảng 10–11%), thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, và sự phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ. Đồng thời, các doanh nghiệp logistics Việt Nam cần nhanh chóng thích ứng với xu hướng logistics xanh, ứng dụng công nghệ như AI, blockchain và tối ưu hóa chuỗi cung ứng số hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Với tốc độ tăng trưởng cao và sự hỗ trợ từ chính sách chính phủ, logistics Việt Nam có triển vọng trở thành trung tâm logistics của khu vực Đông Nam Á trong những năm tới. Theo chiến lược phát triển quốc gia, Việt Nam đặt mục tiêu duy trì tăng trưởng ngành khoảng 12–15%/năm và giảm chi phí logistics xuống còn 12–15% GDP trong giai đoạn tới. Việc đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng logistics, xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, ứng dụng công nghệ vào quản lý chuỗi cung ứng, cùng với sự phát triển của cảng biển, đường sắt và hệ thống kho vận thông minh sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

Nhìn chung, thị trường logistics Việt Nam năm 2025 tiếp tục đầy tiềm năng nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Để tận dụng tối đa cơ hội, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng quy mô, tối ưu hóa chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch 2025	% (+/-) TH năm 2025 / TH năm 2024	% (+/-) TH Năm 2025 / KH Năm 2025
1	Doanh thu thuần	1.077,41	1.134,43	1.185,00	5,29%	-4,27%
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36,55	26,65	40,20	-27,09%	-33,71%
3	Lợi nhuận trước thuế	44,83	63,95	49,50	42,45%	29,01%
4	Lợi nhuận sau thuế	35,78	51,14	39,60	42,93%	29,14%

Năm 2025, công ty ghi nhận kết quả kinh doanh có sự phân hóa khi một số chỉ tiêu tăng trưởng tích cực so với năm 2024 nhưng chưa hoàn thành kế hoạch đề ra. Doanh thu thuần đạt 1.134,43 tỷ, tăng 5,29% so với năm trước (1.077,41 tỷ) nhưng chưa đạt kế hoạch, thấp hơn 4,27%, cho thấy hoạt động kinh doanh vẫn duy trì đà tăng trưởng nhưng chưa đạt kỳ vọng. Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh 27,09%, còn 26,65 tỷ và thấp hơn kế hoạch tới 33,71%, phản ánh hiệu quả hoạt động cốt lõi suy giảm và áp lực chi phí gia tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế lại tăng mạnh 42,45%, đạt 63,86 tỷ, vượt kế hoạch 29,01%, cho

thấy công ty có thể đã cải thiện từ các yếu tố tài chính hoặc thu nhập khác. Tương tự, lợi nhuận sau thuế đạt 51,14 tỷ, tăng 42,93% so với năm 2024 và vượt kế hoạch 29,14%, thể hiện khả năng duy trì hiệu quả sinh lời tổng thể. Nhìn chung, mặc dù kết quả lợi nhuận tăng trưởng cao, nhưng sự sụt giảm của lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cho thấy chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững. Công ty cần chú trọng kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động cốt lõi. Công tác quản lý, quản trị nội bộ cần tiếp tục được cải thiện nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững trong các năm tiếp theo.

VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Dịch Vụ Hàng Hải (TRA-SAS) luôn coi bảo vệ môi trường là nền tảng then chốt cho phát triển bền vững. Không chỉ dừng lại ở cam kết, TRA-SAS đã thực hiện nhiều hành động cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu này. Điển hình là dự án kho hóa chất và hàng nguy hiểm tại Cụm Khu Công Nghiệp Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, với diện tích hơn 16.800 m². Kho bãi này được trang bị hệ thống an toàn cháy nổ hiện đại, tuân thủ các tiêu chuẩn công nghiệp nghiêm ngặt, được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (DTM) năm 2020 và đạt chứng nhận ISO 9001:2015 vào năm 2023.



Bên cạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng an toàn, TRA-SAS liên tục hoàn thiện quy trình quản lý môi trường, đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp vận tải xanh để giảm phát thải và tối ưu hóa năng lượng. Công ty đã triển khai các hệ thống giám sát nhiên liệu tiên tiến giúp giảm tiêu thụ nhiên liệu của đội phương tiện, đồng thời tăng cường sử dụng phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu sạch và các công nghệ thân thiện với môi trường.

Không chỉ TRA-SAS, nhiều doanh nghiệp vận tải khác cũng triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường như tối ưu hóa lộ trình vận chuyển nhằm giảm tiêu thụ nhiên liệu, ứng dụng công nghệ AI và tự động hóa trong quản lý kho bãi để cắt giảm lãng phí, hay phát triển các trung tâm logistics đạt chứng chỉ xanh (LEED) nhằm tăng hiệu suất hoạt động và giảm tác động đến hệ sinh thái.

Với những nỗ lực không ngừng, TRA-SAS khẳng định vai trò tiên phong trong ngành logistics và thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua định hướng phát triển bền vững, hướng đến một nền logistics thân thiện với môi trường, phù hợp xu hướng toàn cầu trong việc giảm phát thải và bảo vệ hành tinh.

02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN GIÁM ĐỐC



Trong năm 2025, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, triển khai kế hoạch SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cũng như Điều lệ công ty.

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của BGD đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2025 tăng trưởng cao so với mục tiêu đề ra trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới nói chung, cũng như thị trường ngành logistic nói riêng còn nhiều bất ổn, thách thức. Các nhiệm vụ Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành trong năm 2025:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2024;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2024 gồm: chi cổ tức bằng tiền 15% vào ngày 10/09/2025 và chi trả phần cổ tức bằng cổ phiếu 15% vào ngày 22/09/2025;
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2024 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty để công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh được tinh gọn và mang lại hiệu quả hơn;
- Chỉ đạo thực hiện rà soát lại việc phân cấp ban hành các quy chế quản lý nội bộ trong Công ty, phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.



03 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam và căn cứ định hướng trung hạn của Công ty, Hội đồng quản trị đề ra các mục tiêu kế hoạch trọng tâm trong năm 2026 như sau:

- Trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình quản lý, quản trị của công ty. Kien toàn bổ nhiệm/ miễn nhiệm nhân sự theo cơ cấu tổ chức phù hợp với định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quan tâm, bảo vệ quyền lợi, điều kiện làm việc cho Người lao động trong Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀN



V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Ban điều hành
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



VINH DANH

TẬP THỂ CÓ THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2025

01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.275.140	16,95%
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.507.674	20,04%
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.275.172	16,95%
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	361.159	4,80%
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	1.213.292 (*)	16,12% (*)

Ghi chú: (*) Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Hợp Tác Đầu Tư Giao Thông Vận Tải.

➤ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Chiến lược là tiểu ban tư vấn trực thuộc Hội đồng Quản trị, có chức năng tham mưu định hướng phát triển trung và dài hạn, chiến lược đầu tư, tái cấu trúc và mở rộng thị trường. Hội đồng hoạt động trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ, bảo đảm tính khách quan, bảo

mật và vì lợi ích lâu dài của Công ty. Đồng thời, Hội đồng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong việc nghiên cứu, đề xuất, theo dõi và đánh giá hiệu quả triển khai các chiến lược đã được phê duyệt.

➤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị, với vai trò bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư và cổ đông hiện hữu, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám đốc, Hội đồng không ngừng giám sát và triển khai các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mỗi quyết định đều được cân nhắc kỹ lưỡng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy

định của pháp luật, quy chế nội bộ và Điều lệ của TRS. Hơn nữa, Hội đồng quản trị luôn chủ động theo dõi và cập nhật những biến chuyển của Luật Doanh nghiệp cũng như tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế, nhằm kịp thời điều chỉnh chiến lược và đưa ra các quyết định phù hợp, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững cho Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	12/12	100%
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/12	100%
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/12	100%
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	12/12	100%
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	12/12	100%

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tiến hành 12 cuộc họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.2025/NQ-HĐQT	18/03/2025	Thông qua vấn đề gia hạn và triển khai kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2025	100%
2	02.2025/NQ-HĐQT	18/03/2025	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng	100%
3	03.2025/NQ-HĐQT	11/04/2025	Thông qua việc vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	100%
4	04.2025/NQ-HĐQT	17/04/2025	Thông qua việc điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
5	05.2025/NQ-HĐQT	13/06/2025	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Chiến lược trực thuộc Hội đồng quản trị	100%
6	06.2025/NQ-HĐQT	01/07/2025	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành	100%
7	07.2025/NQ-HĐQT	01/07/2025	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành	100%
8	08.2025/NQ-HĐQT	12/08/2025	Triển khai thực hiện phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền và cổ phiếu	100%
9	09.2025/NQ-HĐQT	27/08/2025	Phân công người đại diện pháp luật ký kết các giao dịch tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng	100%
10	10.2025/NQ-HĐQT	07/10/2025	Tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024	100%
11	11.2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	Thông qua giá bán tài sản – Nhà kho tại Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh và Giao cho ông Đỗ Văn Mười thay mặt Công ty ký Hợp đồng sang nhượng Tài sản	100%
12	12.2025/NQ-HĐQT	29/10/2025	Giải thể chi nhánh Bình Dương của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải	100%
13	13.2025/NQ-HĐQT	03/11/2025	Thông qua việc vay vốn, phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sài Gòn	100%

➤ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm lấy ý kiến và thông qua các quyết định, nội dung quản trị quan trọng, góp phần đạt được những kết quả cụ thể và hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình kinh doanh và công tác quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng Quản trị giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

02 BAN KIỂM SOÁT

➤ DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	9.722	0,13%
2	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên Ban kiểm soát	39.471	0,52%
3	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

➤ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Phạm Xuân Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	3/3	100%
2	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%
3	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên Ban kiểm soát	3/3	100%

➤ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch năm 2025; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025; xem xét tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị đều được gửi đến Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định, quy chế quản trị của Công ty.
- Xem xét Báo cáo Tài chính năm 2024 và thực hiện báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Soát xét một số nội dung liên quan đến việc tuân thủ quy trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn.
- Xem xét, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu theo quy định của Điều lệ Công ty về các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư hay phản ánh nào từ cổ đông, nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải đã tổ chức 03 phiên họp, cụ thể:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Thành phần tham dự
1	01.2025/QĐ-BKS	11/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát BCTC 2024 do Ban điều hành lập. Giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2025. 	3/3
2	02.2025/QĐ-BKS	09/07/2025	Giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về vấn đề phát hành cổ phiếu trả cổ tức và đăng ký thay đổi GPKD.	3/3
3	03.2025/QĐ-BKS	23/10/2025	Xem xét và chọn lựa đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2026.	3/3

➤ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM: Không có.

03 BAN ĐIỀU HÀNH

➤ DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Giám Đốc Điều Hành	1.507.674	20,04%
2	Ông Trần Việt Huy	Tổng Giám Đốc	1.275.172	16,95%
3	Ông Đỗ Văn Mười	Giám đốc Tài chính	1.275.140	16,95%
4	Ông Hồ Trọng Bình	Giám đốc Nghiệp vụ	116.334	1,55%

➤ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thay đổi nhân sự cấp cao trong Ban Điều hành. Cụ thể, Ông Trần Việt Huy được bổ nhiệm từ vị trí Giám đốc Điều hành lên giữ chức vụ Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật kể từ ngày 01/07/2025, thay thế cho chức danh trước đó.

Đồng thời, Ông Nguyễn Văn Quý được điều chuyển từ vị trí Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật sang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Điều hành kể từ cùng thời điểm 01/07/2025, nhằm phù hợp với định hướng tổ chức và điều hành của Công ty trong giai đoạn mới.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

➤ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng (VNĐ)	
			2024	2025
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Đỗ Văn Mười	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Tài chính	2.796.500.000	2.984.100.000
2	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT - Chủ tịch hội đồng chiến lược - Giám Đốc Điều Hành	3.296.500.000	3.522.500.000
3	Ông Trần Việt Huy	Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc	2.624.500.000	2.921.100.000
4	Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	180.000.000	180.000.000
5	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
6	Ông Phạm Xuân Khòa	Trưởng BKS	383.100.000	415.609.524
7	Bà Trần Thị Tuyết Linh	Thành viên BKS	479.300.000	513.748.810
8	Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	Thành viên BKS	301.971.936	405.284.524
BAN ĐIỀU HÀNH				
9	Ông Nguyễn Văn Quý	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 2)		
10	Ông Trần Việt Huy	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 3)		
11	Ông Đỗ Văn Mười	Đã đề cập tại phần thông tin Hội đồng Quản trị (STT 1)		
12	Ông Hồ Trọng Bình	Giám đốc Nghiệp vụ	2.207.700.000	2.330.900.000

➤ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Văn Mười		1.108.818	16,94%	1.275.140	16,95%	Cổ tức 2024: 166.322 cp
2	Trần Việt Huy		1.108.846	16,94%	1.275.172	16,95%	Cổ tức 2024: 166.326 cp
3	Nguyễn Văn Quý		1.311.021	20,03%	1.507.674	20,04%	Cổ tức 2024: 196.653 cp
4	Nguyễn Thành Đồng		314.052	4,80%	361.159	4,80%	Cổ tức 2024: 47.107 cp
5	Lê Quý Nghĩa		1.055.037	16,12%	1.213.292	16,13%	Cổ tức 2024: 158.255cp
6	Phạm Xuân Khòa		8.454	0,13%	9.722	0,13%	Cổ tức 2024: 1.268 cp
7	Trần Thị Tuyết Linh		34.323	0,52%	39.471	0,52%	Cổ tức 2024: 5.148 cp
8	Đào Ngọc Trang		10.623	0,16%	12.216	0,16%	Cổ tức 2024: 1.593 cp
9	Hồ Trọng Bình		101.160	1,55%	116.334	1,55%	Cổ tức 2024: 15.174 cp
10	Nguyễn Tuấn Phong	Con ruột GD Điều hành	255.904	3,91%	294.289	3,91%	Cổ tức 2024: 38.385 cp
11	Nguyễn Thông Thương	Anh trai GD Điều hành	2.784	0,04%	3.201	0,04%	Cổ tức 2024: 417 cp
12	Nguyễn Thị Xuân Thu	Em gái GD Điều hành	601	0,01%	0	0,00%	Bán 601 cổ phiếu
13	Ngô Đức Trung	Anh rể Tổng Giám đốc	58.082	0,89%	66.794	0,89%	Cổ tức 2024: 8.712 cp
14	Nguyễn Liên Hương	Vợ TV HĐQT	7.783	0,12%	8.950	0,12%	Cổ tức 2024: 1.167 cp

➤ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025

Trong năm 2025, TRA-SAS tiếp tục tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản trị công ty và duy trì công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, thể hiện qua việc công bố kịp thời Báo cáo Quản trị năm 2025 cũng như các báo cáo tài chính, tài liệu ĐHCĐ và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định. Đồng thời, Công ty đã chủ động nâng cao hiệu quả quản trị thông qua việc kiện toàn bộ máy điều hành, nổi bật là việc thành lập Hội đồng Chiến lược trực thuộc HĐQT nhằm tăng cường vai trò giám sát và định hướng phát triển dài hạn, cùng với việc hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ và tổ chức đào tạo định kỳ cho Ban Điều hành, Ban Kiểm soát.

Bên cạnh đó, TRA-SAS đẩy mạnh định hướng phát triển bền vững thông qua triển khai các sáng kiến ESG, tiêu biểu là dự án kiểm kê khí nhà kính hợp tác với FPT, góp phần nâng cao tính minh bạch, tăng cường quản lý rủi ro và tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng dài hạn trong bối cảnh thị trường vốn ngày càng hội nhập.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 14
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	15 - 40



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải biển và Dịch vụ Hàng hải theo Quyết định số 4396 ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304184415, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +84 (028) 3925 0222
Fax : +84 (028) 3925 0555

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Hà Nội	25 Quang Trung, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Đồng Nai	Tổ 3, Ấp 3, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm; đóng gói đồ rắn; dán tem, nhãn và đóng dấu; bọc quà (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Mua bán hàng thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán chất diệt khuẩn, diệt côn trùng dùng trong gia đình (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) (không tồn trữ hóa chất); mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, chất xử lý mùi không khí, chất tẩy rửa, kim khí điện máy, dụng cụ thể thao (trừ súng đạn thể thao và vũ khí thô sơ), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Xây dựng công trình thủy lợi, công trình giao thông;
- Mua bán phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị;
- Mua bán vật liệu xây dựng, mua bán gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng, giấy, sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động nhà hàng tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt;
- Đại lý vận tải biển; đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh nhà;
- Mua bán đồ uống, nước giải khát, rượu bia (không kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ);
- Mua bán điện tử, viễn thông, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bảo dưỡng: xe có động cơ và ô tô, xe máy, phụ tùng xe có động cơ, các loại máy móc thiết bị;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Môi giới thương mại;
- Mua bán hàng tin học, quang học, băng đĩa (không mua bán băng đĩa tại trụ sở);
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn (không hoạt động khách sạn tại trụ sở);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da, hàng lông thú, găng tay, bút tất, cà vạt, dây đeo quần trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học, kính đeo mắt, đồng hồ và đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn màn; bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); bán lẻ trò chơi và đồ chơi (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội); đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành);
- Cho thuê đồ dệt, trang phục và giày dép; Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp; Đồ trang sức, bàn ghế, phòng bạt, quần áo; Sách, tạp chí; Hoa và cây; Thiết bị điện và đồ gia dụng cho gia đình;
- Cho thuê máy móc và thiết bị sử dụng sửa chữa nhà; thiết bị âm nhạc; máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng, máy móc và thiết bị văn phòng (tất cả thiết bị và máy móc cho thuê không kèm người điều khiển);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; mua bán vật liệu điện;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Ho Chi Minh Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam
Hanoi Branch : 40 Giang Võ St., Giang Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam
Central Region Branch : Lot STH 06A.01, Road 13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nam Hòa Trưng Ward, Khánh Hòa Province, Vietnam
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0671/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện do Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa khởi kiện Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vượng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		376.587.190.210	239.428.555.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.535.799.934	16.705.919.363
1. Tiền	111		15.535.799.934	16.003.171.493
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	702.747.870
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		372.004.064	369.164.066
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.006.053.000	1.006.053.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(700.000.000)	(700.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	65.951.064	63.111.066
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.591.714.857	165.494.853.212
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84.894.744.333	98.605.505.118
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.539.862.395	9.448.929.270
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	95.356.971.770	57.605.803.132
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(201.376.312)	(165.384.308)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.512.671	-
IV. Hàng tồn kho	140		121.014.568.370	40.211.515.541
1. Hàng tồn kho	141	V.7	121.014.568.370	40.211.515.541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.073.102.985	16.647.103.453
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.254.528.767	3.415.772.545
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.818.574.218	12.840.689.568
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	390.641.340
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.489.932.383	213.367.543.904
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.058.717.000	2.478.484.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.058.717.000	2.478.484.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		239.271.100.993	186.811.328.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	146.224.858.246	112.027.084.567
- Nguyên giá	222		211.522.296.379	167.013.037.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.297.438.133)	(54.985.952.733)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	25.701.631.969	5.707.471.790
- Nguyên giá	225		28.618.312.068	5.778.689.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.916.680.099)	(71.218.067)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	67.344.610.778	69.076.772.377
- Nguyên giá	228		78.094.182.249	79.041.520.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.749.571.471)	(9.964.747.872)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	18.389.147.205
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	18.389.147.205
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.160.114.390	5.688.583.965
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.160.114.390	5.688.583.965
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		627.077.122.593	452.796.099.539

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		321.507.399.306	188.564.875.455
I. Nợ ngắn hạn	310		296.787.923.136	171.554.054.437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	139.155.271.335	118.747.988.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	89.706.223.500	24.942.521.147
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.429.307.205	2.806.503.244
4. Phải trả người lao động	314	V.16	4.292.954.294	3.332.486.084
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	7.213.620.550	5.788.793.855
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	44.752.633.073	13.626.728.607
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.237.913.179	2.309.033.179
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.719.476.170	17.010.821.018
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	24.719.476.170	17.010.821.018
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

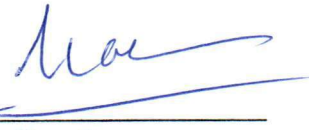
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

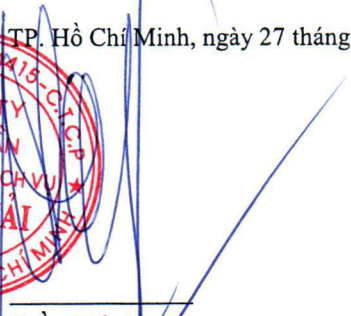
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305.569.723.287	264.231.224.084
I. Vốn chủ sở hữu	410		305.569.723.287	264.231.224.084
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	75.240.340.000	65.442.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.240.340.000	65.442.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(121.000.000)	(121.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	13.786.296.158	13.786.296.158
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	216.664.087.129	185.123.247.926
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		165.527.335.926	185.123.247.926
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		51.136.751.203	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		627.077.122.593	452.796.099.539

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026


Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập


Trần Việt Huy
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.138.741.987.840	1.080.942.001.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.314.094.204	3.531.470.351
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.134.427.893.636	1.077.410.531.439
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	976.965.666.159	931.844.839.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		157.462.227.477	145.565.692.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.118.641.675	3.948.858.355
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.954.875.155	7.239.547.165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.617.646.022	1.831.671.959
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	49.520.746.564	39.177.150.184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	75.450.278.747	66.543.640.292
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.654.968.686	36.554.213.005
11. Thu nhập khác	31	VI.8	37.385.895.166	8.669.201.090
12. Chi phí khác	32	VI.9	88.087.530	396.809.327
13. Lợi nhuận khác	40		37.297.807.636	8.272.391.763
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.952.776.322	44.826.604.768
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12.816.025.119	9.044.587.486
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.136.751.203	35.782.017.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	6.807	4.763
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	6.807	4.763

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trần Việt Huy
Tổng Giám đốcĐào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.952.776.322	44.826.604.768
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	17.293.216.416	12.925.789.898
- Các khoản dự phòng	03	V.6	35.992.004	83.981.343
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	30.261.743	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(35.067.912.050)	(6.857.256.038)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.617.646.022	1.831.671.959
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.861.980.457	52.810.791.930
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.208.360.430)	(20.669.349.656)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(80.803.052.829)	(5.958.695.705)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		86.433.902.556	2.623.814.791
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(310.286.647)	1.385.197.441
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(3.617.646.022)	(1.831.671.959)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(6.446.387.486)	(8.535.682.319)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(71.120.000)	(588.965.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.839.029.599	19.236.739.523
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 12; VII	(21.067.418.404)	(48.745.968.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, 11; VI.8	35.540.000.000	9.225.200.335
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(63.111.066)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	130.527.171	60.418.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.603.108.767	(39.523.460.391)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	52.116.965.834	56.657.004.666
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(31.068.695.448)	(37.274.258.015)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(6.839.256.288)	(312.206.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, 20	(9.791.010.150)	(5.438.642.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.418.003.948	13.631.897.951
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		33.860.142.314	(6.654.822.917)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.705.919.363	23.360.742.280
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(30.261.743)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	50.535.799.934	16.705.919.363

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trần Việt Huy
Tổng Giám đốcĐào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ khai thuê hải quan; Đại lý vận tải biển, đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa; Mua bán đồ uống, nước giải khát, rượu bia; Kinh doanh nhà hàng ăn uống; Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm trong siêu thị, trung tâm thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Hà Nội	25 Quang Trung, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Bình Dương	6/4 DT743B, Khu phố Đồng An 3, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Đồng Nai	Tổ 3, Ấp 3, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Trong năm Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải tại Bình Dương theo Nghị quyết ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng quản trị. Việc giải thể chi nhánh không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 239 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 230 nhân viên).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với mặt hàng rượu), tính theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với các mặt hàng còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (35 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian khấu hao từ 06 - 08 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có khoản hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	56.057.200	14.332.411
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.479.742.734	15.988.839.082
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng</i>)	35.000.000.000	702.747.870
Cộng	50.535.799.934	16.705.919.363

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	1.001.053.000	301.053.000	(700.000.000)	1.001.053.000	301.053.000	(700.000.000)
Công ty Cổ phần Bất động sản Eximland	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)
Các cổ phiếu khác	1.053.000	1.053.000	-	1.053.000	1.053.000	-
Trái phiếu	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	5.000.000	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	1.006.053.000	306.053.000	(700.000.000)	1.006.053.000	306.053.000	(700.000.000)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Bến Thành.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm & Nước giải khát Ý Tường Việt	15.547.698.256	45.790.513.692
Good Day Hospitality Joint Stock Company	19.723.019.568	5.863.736.861
Các khách hàng khác	49.624.026.509	46.951.254.565
Cộng	84.894.744.333	98.605.505.118

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Art Lan	-	3.809.228.744
Công ty TNHH Xây lắp - Cơ điện lạnh Sao Phương Nam	-	1.185.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phú Cường	-	1.394.317.703
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trung Dương	1.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.539.862.395	3.060.382.823
Cộng	2.539.862.395	9.448.929.270

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ cho khách hàng	89.571.874.996	-	50.816.957.529	-
Tạm ứng	3.531.350.671	-	4.131.066.157	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	305.500.000	-	285.500.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	29.796.857	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.918.449.246	-	2.372.279.446	-
Cộng	95.356.971.770	-	57.605.803.132	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ phải thu khó đòi

Công ty có các khoản nợ phải thu khó đòi tiền hàng và phải thu khác. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Blue Sea Canned Food Company Limited	Trên 03 năm	119.973.347	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	119.973.347	35.992.004
Công ty TNHH Magnetar Global International Việt Nam	Trên 03 năm	255.622.154	255.622.154	Trên 03 năm	305.622.154	305.622.154
Scan Shipping Pte. Ltd.	Trên 03 năm	241.512.325	241.512.325	Trên 03 năm	241.512.325	241.512.325
Công ty Cổ phần Tenzon Việt Nam	Trên 03 năm	81.402.965	-	Trên 03 năm	81.402.965	-
Công ty TNHH Scan-Shipping Việt Nam	Trên 03 năm	60.108.660	60.108.660	Trên 03 năm	60.108.660	60.108.660
Cộng		758.619.451	557.243.139		808.619.451	643.235.143

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	165.384.308	81.402.965
Trích lập dự phòng bổ sung	35.992.004	83.981.343
Số cuối năm	201.376.312	165.384.308

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	52.759.065.923	-	13.465.818.011	-
Nguyên liệu, vật liệu	567.001.363	-	172.541.425	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.056.250.581	-	-	-
Hàng hóa	61.075.213.331	-	26.573.156.105	-
Hàng gửi đi bán	5.557.037.172	-	-	-
Cộng	121.014.568.370	-	40.211.515.541	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	673.357.429	766.338.516
Chi phí sửa chữa tài sản	164.616.944	351.083.180
Chi phí bảo hiểm	1.668.064.602	999.343.179
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	748.489.792	1.299.007.670
Cộng	3.254.528.767	3.415.772.545

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.739.696.690	3.879.732.245
Công cụ, dụng cụ	1.451.205.129	1.185.210.198
Chi phí sửa chữa	668.958.723	234.220.221
Các chi phí trả trước dài hạn khác	300.253.848	389.421.301
Cộng	6.160.114.390	5.688.583.965

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Nguyên giá			
Số đầu năm	88.259.162.121	52.670.191.087	26.083.684.092	167.013.037.300
Mua trong năm	-	-	19.290.038.785	19.290.038.785
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	28.258.579.655	-	-	28.258.579.655
Thanh lý, nhượng bán	(1.455.838.449)	(1.583.520.912)	-	(3.039.359.361)
Số cuối năm	115.061.903.327	51.086.670.175	45.373.722.877	211.522.296.379
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.394.369.623	17.149.375.278	4.754.710.574	25.298.455.475
Chờ thanh lý	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	18.686.090.328	26.278.700.254	10.021.162.151	54.985.952.733
Khấu hao trong năm	3.431.567.826	5.215.364.597	4.703.912.338	13.350.844.761
Thanh lý, nhượng bán	(1.455.838.449)	(1.583.520.912)	-	(3.039.359.361)
Số cuối năm	20.661.819.705	29.910.543.939	14.725.074.489	65.297.438.133
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	69.573.071.793	26.391.490.833	16.062.521.941	112.027.084.567
Số cuối năm	94.400.083.622	21.176.126.236	30.648.648.388	146.224.858.246
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 64.214.414.513 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.778.689.857	71.218.067	5.707.471.790
Tăng trong năm	22.839.622.211	2.845.462.032	
Số cuối năm	28.618.312.068	2.916.680.099	25.701.631.969

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.663.820.249	2.377.700.000	79.041.520.249
Thanh lý, nhượng bán	(947.338.000)	-	(947.338.000)
Số cuối năm	75.716.482.249	2.377.700.000	78.094.182.249
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.181.472.872	1.783.275.000	9.964.747.872
Khấu hao trong năm	859.139.623	237.770.000	1.096.909.623
Thanh lý, nhượng bán	(312.086.024)	-	(312.086.024)
Số cuối năm	8.728.526.471	2.021.045.000	10.749.571.471

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	68.482.347.377	594.425.000	69.076.772.377
Số cuối năm	66.987.955.778	356.655.000	67.344.610.778
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 66.987.955.779 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.18).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.414.677.903	25.531.013.610	(19.290.038.785)	(7.655.652.728)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	16.974.469.302	11.284.110.353	(28.258.579.655)	-	-
Cộng	18.389.147.205	36.815.123.963	(47.548.618.440)	(7.655.652.728)	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Starbucks Corporation	56.971.987.338	66.078.829.748
Havi Services Pte. Ltd.	23.407.913.441	3.652.335.422
Yiwu Huxi Trading Co., Ltd.	21.382.538.847	6.055.938.040
Các nhà cung cấp khác	37.392.831.709	42.960.885.111
Cộng	139.155.271.335	118.747.988.321

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dong Mart	41.971.970.417	-
Siemens Ltd.	1.820.260.928	6.150.000.000
Siemens Healthcare Limited Company	26.690.000.000	4.075.000.000
Các khách hàng khác	19.223.992.155	14.717.521.147
Cộng	89.706.223.500	24.942.521.147

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	51.716.435.415	(51.716.435.415)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	164.655.555	(164.655.555)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	324.079.752	20.759.689.863	(20.336.145.042)	99.465.069	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.544.587.486	-	12.816.025.119	(6.446.387.486)	8.914.225.119	-
Thuế thu nhập cá nhân	261.915.758	-	5.832.313.971	(5.678.612.712)	415.617.017	-
Thuế nhà đất	-	-	117.787.800	(117.787.800)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.611.271.337	(1.611.271.337)	-	-
Các loại thuế khác	-	66.561.588	1.265.277.385	(1.198.715.797)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	269.600.000	(269.600.000)	-	-
Cộng	2.806.503.244	390.641.340	94.553.056.445	(87.539.611.144)	9.429.307.205	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mặt hàng bia và rượu. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

- Rượu dưới 20 độ	35%
- Rượu từ 20 độ trở lên	65%
- Bia	65%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.952.776.322	44.826.604.768
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	118.349.273	396.332.661
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	64.071.125.595	45.222.937.429
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.814.225.119	9.044.587.486
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.800.000	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.816.025.119	9.044.587.486

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường cho hoạt động nhập khẩu túi nilon với mức thuế là 40.000 VND/kg.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	86.165.185	86.165.185
Kinh phí công đoàn	1.937.262.418	2.446.886.209
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	448.839.231	357.220.000
Các khoản thu hộ đại lý	2.407.936.921	2.407.936.921
Maria Francesca Tan (MFT) Group of Companies, Inc. – tiền ứng để thực hiện chuỗi cửa hàng SaladStop! tại Việt Nam	-	268.566.330
Superwhite Lifestyle Inc.	2.152.709.181	-
Cổ tức còn phải trả	12.119.150	4.877.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	168.588.464	217.141.910
Cộng	7.213.620.550	5.788.793.855

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.703.439.037	8.243.952.651
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	12.750.624.695	1.761.505.200
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	19.952.814.342	6.482.447.451
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	3.411.216.000	3.411.216.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	8.637.978.036	1.971.559.956
Cộng	44.752.633.073	13.626.728.607

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 5,8%/năm đến 6%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 34 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất tại số 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,21%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 335, tờ bản đồ số 107; các thửa đất số 147, 1313, 1011 tờ bản đồ số DC10.7 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1314 tờ bản đồ số DC10.7 địa chỉ Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.243.952.651	52.116.965.834	-	(27.657.479.448)	32.703.439.037
Vay dài hạn đến hạn trả	3.411.216.000	-	3.411.216.000	(3.411.216.000)	3.411.216.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.971.559.956	-	8.637.978.036	(1.971.559.956)	8.637.978.036
Cộng	13.626.728.607	52.116.965.834	12.049.194.036	(33.040.255.404)	44.752.633.073

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ⁽ⁱ⁾	9.656.485.134	13.067.701.134
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua phương tiện vận tải, truyền dẫn	15.062.991.036	3.943.119.884
Cộng	24.719.476.170	17.010.821.018

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo các hợp đồng tín dụng với lãi suất từ 10%/năm đến 13,25%/năm, mục đích vay để mua phương tiện vận tải, xây dựng nhà kho lưu giữ và trung chuyển hàng hóa, thời hạn vay từ 05 năm đến 06 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	13.067.701.134	3.411.216.000	9.656.485.134	-
Nợ thuê tài chính	23.700.969.072	8.637.978.036	15.062.991.036	-
Cộng	36.768.670.206	12.049.194.036	24.719.476.170	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	16.478.917.134	3.411.216.000	12.594.778.000	472.923.134
Nợ thuê tài chính	5.914.679.840	1.971.559.956	3.943.119.884	-
Cộng	22.393.596.974	5.382.775.956	16.537.897.884	472.923.134

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	8.637.978.036	15.062.991.036	-	23.700.969.072
Lãi thuê phải trả	1.339.744.082	1.109.885.576	-	2.449.629.658
Nợ thuê tài chính phải trả	9.977.722.118	16.172.876.612	-	26.150.598.730
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	1.971.559.956	3.943.119.884	-	5.914.679.840
Lãi thuê phải trả	345.075.239	282.798.062	-	627.873.301
Nợ thuê tài chính phải trả	2.316.635.195	4.225.917.946	-	6.542.553.141

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngân hàng và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	13.067.701.134	-	-	(3.411.216.000)	9.656.485.134
Nợ thuê tài chính	3.943.119.884	24.625.545.520	(4.867.696.332)	(8.637.978.036)	15.062.991.036
Cộng	17.010.821.018	24.625.545.520	(4.867.696.332)	(12.049.194.036)	24.719.476.170

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	157.240.335	(71.120.000)	86.120.335
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.151.792.844	-	2.151.792.844
Cộng	2.309.033.179	(71.120.000)	2.237.913.179

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	54.556.200.000	(121.000.000)	13.786.296.158	165.671.230.644	233.892.726.802
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.886.480.000	-	-	(10.886.480.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	35.782.017.282	35.782.017.282
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(5.443.520.000)	(5.443.520.000)
Số dư cuối năm trước	65.442.680.000	(121.000.000)	13.786.296.158	185.123.247.926	264.231.224.084
Số dư đầu năm nay	65.442.680.000	(121.000.000)	13.786.296.158	185.123.247.926	264.231.224.084
Tăng vốn từ lợi nhuận	9.797.660.000	-	-	(9.797.660.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	51.136.751.203	51.136.751.203
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(9.798.252.000)	(9.798.252.000)
Số dư cuối năm nay	75.240.340.000	(121.000.000)	13.786.296.158	216.664.087.129	305.569.723.287

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư		
Giao thông Vận tải	12.132.920.000	10.550.370.000
Ông Nguyễn Văn Quý	15.076.740.000	13.110.210.000
Ông Trần Việt Huy	12.751.720.000	11.088.460.000
Ông Đỗ Văn Mười	12.751.400.000	11.088.180.000
Các cổ đông khác	22.406.560.000	19.484.460.000
Cộng	75.119.340.000	65.321.680.000

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:15 (cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025. Trên cơ sở đó Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 9.797.660.000 VND. Ngày 19 tháng 11 năm 2025 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 30 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 75.240.340.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.524.034	6.544.268
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.524.034	6.544.268
- Cổ phiếu phổ thông	7.524.034	6.544.268
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	12.100	12.100
- Cổ phiếu phổ thông	12.100	12.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.511.934	6.532.168
- Cổ phiếu phổ thông	7.511.934	6.532.168
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	: 9.797.660.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 9.798.252.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**21a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	234.360.000	223.200.000
Trên 01 năm đến 05 năm	373.185.225	607.545.225
Cộng	607.545.225	830.745.225

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21b. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	101.766,96	67.369,99
Euro (EUR)	0,55	0,55

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Tabitha Việt Nam	85.669.819	85.669.819
Công ty TNHH Atlantic Shipping Line	57.000.000	57.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Thành	44.980.000	44.980.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin GOL	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin VNUS	9.112.500	9.112.500
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu An Nhật	5.210.000	5.210.000
Các khách hàng khác	46.401.922	46.401.922
Cộng	258.374.241	258.374.241

Các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ do không có khả năng thu hồi trong tương lai.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	882.829.846.524	851.696.846.045
Doanh thu cung cấp dịch vụ	255.912.141.316	229.245.155.745
Cộng	1.138.741.987.840	1.080.942.001.790

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	154.451.610	-
Giảm giá hàng bán	4.159.642.594	3.531.470.351
Cộng	4.314.094.204	3.531.470.351

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	843.973.987.992	808.035.116.994
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	132.991.678.167	123.809.722.154
Cộng	976.965.666.159	931.844.839.148

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	163.164.026	60.418.666
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.955.477.649	3.888.439.689
Cộng	2.118.641.675	3.948.858.355

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.617.646.022	1.831.671.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.306.967.390	5.407.875.206
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	30.261.743	-
Cộng	7.954.875.155	7.239.547.165

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.221.020.780	16.491.495.319
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.995.939.243	4.868.265.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.389.236.144	9.452.973.801
Chi phí thuê lao động bên ngoài	158.070.000	295.698.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.732.263.809	7.967.390.608
Các chi phí khác	24.216.588	101.326.243
Cộng	49.520.746.564	39.177.150.184

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	52.828.791.586	45.495.129.655
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.819.615.460	2.924.971.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.903.980.272	3.472.816.097
Dự phòng phải thu khó đòi	35.992.004	83.981.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.005.683.870	13.194.845.425
Các chi phí khác	856.215.555	1.371.895.876
Cộng	75.450.278.747	66.543.640.292

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.904.748.024	6.796.837.372
Thu nhập từ cần trừ thuế nhà thầu Inkcups	721.542.565	172.716.268
Thu nhập từ xác nhận công nợ phải trả với Golden ABC, MFT	1.698.431.073	-
Thu nhập từ xác nhận công nợ phải trả với nhà cung cấp khác	-	217.717.815
Thu nhập từ hàng kiểm kê thừa	-	1.456.343.513
Thu nhập khác	61.173.504	25.586.122
Cộng	37.385.895.166	8.669.201.090

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI**

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hành chính	14.586.384	173.926.824
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.563.673	8.591.811
Điều chỉnh hệ thống do nhầm mã hàng	64.449.380	-
Chi phí bồi thường	-	164.204.860
Chi phí khác	488.093	50.085.832
Cộng	88.087.530	396.809.327

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.136.751.203	35.782.017.282
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	51.136.751.203	35.782.017.282
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.511.934	7.511.934
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.807	4.763

10b. Thông tin khác

Trong năm Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 5.468 VND xuống còn 4.763 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.390.054.211	18.337.301.508
Chi phí nhân công	77.213.923.878	62.260.103.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.293.216.416	12.925.789.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.738.290.987	133.947.773.615
Chi phí khác	(672.782.014)	2.059.544.591
Cộng	257.962.703.478	229.530.512.630

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	22.839.622.211	5.778.689.857
Thuế VAT phát sinh thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	1.785.923.309	448.195.983

2. Các công nợ liên quan mua sắm tài sản cố định

	Năm nay	Năm trước
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	-	6.723.750.637
Phải trả tiền mua tài sản cố định	1.368.302.194	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án Nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) đã tuyên Bản án sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST về việc tranh chấp hợp đồng thuê kho, bồi thường thiệt hại giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Thuốc lá Thanh Hóa"). Theo đó, Tòa án đã tuyên xử Công ty phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Thuốc lá Thanh Hóa với số tiền là 22.969.974.659 VND và buộc Công ty Cổ phần Anpha – AG phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 22.969.974.659 VND.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án Nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh đã quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh) giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Theo Quyết định số 02/2021/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án Nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng thuê kho, bồi thường thiệt hại".

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên Bản án sơ thẩm số 01/2026/KDTM-ST. Theo đó, Tòa án tuyên xử buộc Công ty phải bồi thường cho Thuốc lá Thanh Hóa toàn bộ thiệt hại với số tiền là 22.969.974.659 VND, buộc Công ty Cổ phần Anpha – AG phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 22.969.974.659 VND và buộc Công ty thanh toán chi phí thuê kho và lãi chậm thanh toán giai đoạn từ 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền lãi tính từ ngày chậm thanh toán đến ngày 12 tháng 01 năm 2026 với số tiền là 284.707.472 VND.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, Công ty đã nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 01/2026/KDTM-ST ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Tây Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Giám đốc nghiệp vụ và Giám đốc tài chính). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Họ và tên	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Văn Mười	2.984.100.000	2.796.500.000
Ông Nguyễn Văn Quý	3.522.500.000	3.296.500.000
Ông Trần Việt Huy	2.921.100.000	2.624.500.000
Ông Lê Quý Nghĩa	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thành Đồng	180.000.000	180.000.000
Ông Hồ Trọng Bình	2.330.900.000	-
Ông Phạm Xuân Khoa	415.609.524	383.100.000
Bà Trần Thị Tuyết Linh	513.748.810	479.300.000
Bà Nguyễn Thị Việt Kiều	405.284.524	301.971.936
Cộng	13.453.242.857	10.241.871.936

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại;
- Dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Địa chỉ: 106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài như sau:

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Năm nay			
Thương mại	878.515.752.320	843.973.987.992	34.541.764.328
Dịch vụ	255.912.141.316	132.991.678.167	122.920.463.149
Cộng	1.134.427.893.636	976.965.666.159	157.462.227.477
Năm trước			
Thương mại	848.165.375.694	808.035.116.994	40.130.258.700
Dịch vụ	229.245.155.745	123.809.722.154	105.435.433.591
Cộng	1.077.410.531.439	931.844.839.148	145.565.692.291

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Đào Ngọc Trang
Kế toán trưởng/Người lập



Trần Việt Huy
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



ĐỖ VĂN MƯỜI
CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



*"Xây dựng
vị thế vững
mạnh trên
hành trình
logistics
bền vững"*



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI



106 - 112 Đồng Văn Cống, Phường Cát Lái, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 3925 0222



www.trasas.com.vn